HB1547

HIỆP ĐỊNH LÃNH SỰ
giữa
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
và
NƯỚC RUMANI

Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và nước Rumani, dưới đây gọi là các Bên ký kết,

Mong muốn phát triển và mở rộng hơn nữa quan hệ hữu nghị truyền thống giữa hai nước,

Khẳng định quyết tâm phát triển hơn nữa các quan hệ giữa hai nước, trên cơ sở tin tưởng, hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau, phù hợp với nguyên tắc tôn trọng độc lập về chính trị, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, bình đẳng và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau,

Mong muốn điều chỉnh và phát triển quan hệ lãnh sự giữa hai nước phù hợp với nguyên tắc tôn trọng các quyền cơ bản và tự do của con người cũng như phù hợp với các điều ước quốc tế,

Quyết định ký Hiệp định lãnh sự này và vì mục đích đó đã thoả thuận như sau:

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA

Điều 1

Định nghĩa

1) Vì mục đích của Hiệp định này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu:

a) "**Cơ quan lãnh sự**" có nghĩa là tổng lãnh sự quán, lãnh sự quán, phó lãnh sự quán hoặc đại lý lãnh sự quán;

b) "**Khu vực lãnh sự**" có nghĩa là khu vực dành cho cơ quan lãnh sự để

thực hiện các chức năng lãnh sự;

c) "**Người đứng đầu cơ quan lãnh sự**" có nghĩa là người được bổ nhiệm hoạt động trên cương vị đó;

d) "**Viên chức lãnh sự**" có nghĩa là bất kỳ người nào, kể cả người đứng đầu cơ quan lãnh sự, được uỷ nhiệm thực hiện các chức năng lãnh sự trên cương vị đó;

e) "**Nhân viên lãnh sự**" có nghĩa là bất kỳ người nào được tuyển dụng làm công việc hành chính hoặc kỹ thuật trong cơ quan lãnh sự;

f) "**Nhân viên phục vụ**" có nghĩa là bất kỳ người nào được tuyển dụng làm công việc phục vụ nội bộ trong cơ quan lãnh sự;

g) "**Thành viên cơ quan lãnh sự**" có nghĩa là viên chức lãnh sự, nhân viên lãnh sự và nhân viên phục vụ;

h) "**Nhân viên phục vụ riêng**" có nghĩa là người chỉ làm thuê riêng cho một thành viên cơ quan lãnh sự;

i) "**Thành viên gia đình**" bao gồm: vợ (chồng), các con vị thành niên của một thành viên cơ quan lãnh sự;

j) "**Cán bộ nhân viên biên chế cơ quan lãnh sự**" có nghĩa là các viên chức lãnh sự, ngoài người đứng đầu cơ quan lãnh sự, nhân viên lãnh sự và nhân viên phục vụ;

k) "**Trụ sở cơ quan lãnh sự**" có nghĩa là các toà nhà hoặc các phần của các toà nhà và phần đất trực thuộc, không phân biệt quyền sở hữu, chỉ sử dụng cho các mục đích của cơ quan lãnh sự;

l) "**Hồ sơ lưu trữ lãnh sự**" bao gồm mọi giấy tờ, tài liệu, thư từ, sách, phim, băng từ, các phương tiện kỹ thuật dùng để thu thập và sử dụng thông tin, sổ đăng ký của cơ quan lãnh sự cùng với mật mã, những đồ đạc và phiếu chỉ dẫn dùng để bảo quản hay giữ gìn các thứ đó;

m) "**Tàu thuỷ**" có nghĩa là bất kỳ tàu dân sự nào mang cờ Nước cử phù hợp với pháp luật của nước đó; tuy nhiên thuật ngữ này không bao gồm bất kỳ tàu quân sự nào;

n) "**Tàu bay**" có nghĩa là bất kỳ tàu bay dân dụng nào đăng ký tại Nước cử và có quyền sử dụng các dấu hiệu đăng ký của nước đó; tuy nhiên thuật ngữ này không bao gồm bất kỳ tàu bay quân sự nào.

2) Các điều khoản trong Hiệp định này có liên quan tới các công dân của Nước cử sẽ được áp dụng thích hợp, vào bất kỳ lúc nào hoàn cảnh cho phép, đối với các pháp nhân được thành lập phù hợp với pháp luật của Nước

cử và có trụ sở đăng ký tại nước đó.

CHƯƠNG II

VIỆC THÀNH LẬP CƠ QUAN LÃNH SỰ VÀ BỔ NHIỆM CÁC THÀNH VIÊN CƠ QUAN LÃNH SỰ

Điều 2

Việc thành lập cơ quan lãnh sự

1) Việc thành lập cơ quan lãnh sự trên lãnh thổ Nước tiếp nhận phải được sự đồng ý của nước đó.

2) Nơi đặt trụ sở , xếp hạng, khu vực lãnh sự cũng như số lượng cán bộ nhân viên biên chế cơ quan lãnh sự do Nước cử quyết định và phải được sự chấp thuận của Nước tiếp nhận. Chỉ khi Nước tiếp nhận đồng ý Nước cử mới được thay đổi nơi đặt trụ sở, xếp hạng, khu vực lãnh sự và số lượng cán bộ nhân viên biên chế cơ quan lãnh sự.

3) Việc mở một văn phòng thuộc cơ quan lãnh sự hiện có ở ngoài nơi đặt cơ quan lãnh sự đó thì cũng phải được Nước tiếp nhận đồng ý trước một cách rõ ràng.

Điều 3

Việc bổ nhiệm và chấp thuận người đứng đầu cơ quan lãnh sự

1) Trước khi bổ nhiệm người đứng đầu cơ quan lãnh sự, Nước cử thông qua đường ngoại giao yêu cầu sự chấp thuận của Nước tiếp nhận đối với người đó.

2) Ngoài các quy định của Hiệp định này, thể thức bổ nhiệm và chấp thuận người đứng đầu cơ quan lãnh sự được quy định bởi pháp luật và tập quán của Nước cử cũng như phù hợp với pháp luật và tập quán của Nước tiếp nhận.

Điều 4

Giấy uỷ nhiệm lãnh sự

1) Nước cử sẽ cấp cho người đứng đầu cơ quan lãnh sự giấy tờ dưới hình thức Giấy uỷ nhiệm lãnh sự hay một loại giấy tờ tương tự cấp cho mỗi

lần bổ nhiệm, xác nhận chức vụ của người đó và theo lệ thường ghi rõ họ, tên, cấp bậc, hàm của người đứng đầu cơ quan lãnh sự cũng như khu vực lãnh sự và trụ sở cơ quan lãnh sự.

2) Thông qua đường ngoại giao hay qua đường thích hợp khác, Nước cử chuyển cho Nước tiếp nhận Giấy uỷ nhiệm lãnh sự hoặc giấy tờ tương tự.

Điều 5

Giấy chấp nhận lãnh sự

1) Người đứng đầu cơ quan lãnh sự có thể thực hiện chức năng của mình khi được Nước tiếp nhận cấp cho một giấy phép gọi là Giấy chấp nhận lãnh sự, bất kể hình thức của giấy phép đó như thế nào.

2) Nước tiếp nhận từ chối không cấp Giấy chấp nhận lãnh sự không buộc phải cho Nước cử biết lý do của việc từ chối đó.

3) Trừ quy định tại các điều 6 và 8 Hiệp định này, người đứng đầu cơ quan lãnh sự không thực hiện chức năng của mình trước khi nhận được Giấy chấp nhận lãnh sự đó.

Điều 6

Tạm thời chấp nhận người đứng đầu cơ quan lãnh sự

Cho đến khi cấp Giấy chấp nhận lãnh sự, Nước tiếp nhận có thể cho phép người đứng đầu cơ quan lãnh sự tạm thời thực hiện chức năng của người đó. Trong trường hợp đó thì các điều khoản của Hiệp định này sẽ được áp dụng.

Điều 7

Phụ trách tạm thời

1) Nếu người đứng đầu cơ quan lãnh sự không thể thực hiện được chức năng của mình hoặc chức vụ này đang khuyết thì một người Quyền đứng đầu cơ quan lãnh sự có thể tạm thời thực hiện chức năng của người đứng đầu cơ quan lãnh sự.

2) Cơ quan đại diện ngoại giao của Nước cử, hoặc nếu Nước cử không có cơ quan đại diện ngoại giao tại Nước tiếp nhận thì người đứng đầu cơ quan lãnh sự hoặc nếu người này không thể làm được thì bất cứ cơ quan có thẩm quyền nào của Nước cử phải thông báo cho Bộ Ngoại giao Nước tiếp nhận họ tên của người Quyền đứng đầu cơ quan lãnh sự. Thông thường thì việc này

phải thông báo trước. Nước tiếp nhận có thể chỉ chấp nhận người Quyền đứng đầu cơ quan lãnh sự với điều kiện là người đó phải là viên chức ngoại giao hay viên chức lãnh sự của Nước cử tại Nước tiếp nhận.

3) Cơ quan có thẩm quyền của Nước tiếp nhận sẽ giúp đỡ và bảo vệ người Quyền đứng đầu cơ quan lãnh sự. Trong thời gian tạm thời phụ trách cơ quan, các điều khoản của Hiệp định này sẽ áp dụng đầy đủ với người đó như đối với người đứng đầu cơ quan lãnh sự.

4) Trong trường hợp nói ở khoản 1 của Điều này, nếu một viên chức ngoại giao của cơ quan đại diện ngoại giao hay một đại diện của Bộ Ngoại giao Nước cử được chỉ định thực hiện chức năng của người Quyền đứng đầu cơ quan lãnh sự thì người đó vẫn được hưởng các quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao.

Điều 8

Thông báo cho các cơ quan có thẩm quyền trong khu vực lãnh sự

Ngay khi người đứng đầu cơ quan lãnh sự được chấp nhận thực hiện chức năng của mình, dù chỉ là tạm thời, Nước tiếp nhận lãnh sự phải thông báo ngay cho các cơ quan có thẩm quyền trong khu vực lãnh sự biết và tiến hành các biện pháp cần thiết để tạo điều kiện cho người đứng đầu cơ quan lãnh sự thực hiện nhiệm vụ của mình và được đối xử theo quy định của Hiệp định này.

Điều 9

Quốc tịch của các viên chức lãnh sự

Các viên chức lãnh sự chuyên nghiệp chỉ là công dân của Nước cử và không thường trú tại Nước tiếp nhận.

Điều 10

Thực hiện chức năng lãnh sự ở nước thứ ba

Sau khi thông báo kịp thời cho các nước hữu quan, Nước cử có thể giao cho một cơ quan lãnh sự được thành lập ở Nước tiếp nhận thực hiện chức năng lãnh sự ở một nước thứ ba trừ khi có sự phản đối rõ ràng của một trong các nước liên quan.

Điều 11

Thay mặt một nước thứ ba thực hiện chức năng lãnh sự

Sau khi thông báo một cách thích hợp cho Nước tiếp nhận, cơ quan lãnh sự của Nước cử có thể thay mặt một nước thứ ba thực hiện chức năng lãnh sự ở Nước tiếp nhận trừ khi Nước tiếp nhận phản đối.

Điều 12

Viên chức lãnh sự danh dự

Mỗi Bên ký kết có thể cử hay tiếp nhận các viên chức lãnh sự danh dự trong khuôn khổ quan hệ song phương và áp dụng những điều khoản của chương III Công ước Viên về quan hệ lãnh sự năm 1963 và, khi hoàn cảnh cho phép, những điều khoản của Hiệp định này đối với các vấn đề liên quan tới viên chức đó.

Viên chức lãnh sự danh dự có thể là công dân Nước cử, Nước tiếp nhận hay của nước thứ ba.

Điều 13

Thông báo cho Nước tiếp nhận về việc bổ nhiệm việc đến và đi

Bộ Ngoại giao Nước tiếp nhận phải được thông báo về:

a) việc bổ nhiệm các thành viên cơ quan lãnh sự, việc họ đến nhận nhiệm vụ ở cơ quan lãnh sự, việc đi hẳn hay việc chấm dứt chức năng của họ cũng như bất kỳ sự thay đổi nào có liên quan đến địa vị của họ trong quá trình làm việc tại cơ quan lãnh sự;

b) việc đến và đi hẳn của một người thuộc gia đình một thành viên cơ quan lãnh sự và, khi thích hợp, việc một người trở thành hay thôi không còn là thành viên của gia đình đó nữa;

c) việc đến và đi hẳn của một nhân viên phục vụ riêng cũng như việc họ thôi không làm với danh nghĩa này nữa;

d) việc tuyển dụng và thải hồi những người tạm trú hoặc thường trú ở Nước tiếp nhận làm thành viên cơ quan lãnh sự hay một nhân viên phục vụ riêng.

Điều 14

Giấy chứng minh

1) Cơ quan có thẩm quyền của Nước tiếp nhận cấp miễn phí cho mỗi viên chức lãnh sự một loại giấy tờ thích hợp ghi rõ họ tên, năm sinh, chức danh của viên chức lãnh sự đó.

2) Những quy định của khoản 1 Điều này cũng được áp dụng cho các nhân viên lãnh sự, nhân viên phục vụ, nhân viên phục vụ riêng và thành viên gia đình họ nếu như những người đó không là công dân cũng như không thường trú ở Nước tiếp nhận.

Điều 15

Chấm dứt chức năng của một thành viên cơ quan lãnh sự

1) Ngoài các trường hợp khác, chức năng một thành viên cơ quan lãnh sự sẽ chấm dứt:

a) khi Nước cử thông báo cho Nước tiếp nhận biết chức năng của người đó đã chấm dứt;

b) khi Giấy chấp nhận lãnh sự bị thu hồi;

c) khi Nước tiếp nhận thông báo cho Nước cử biết Nước tiếp nhận thôi không coi người đó là thành viên cơ quan lãnh sự.

2) Nước tiếp nhận có thể, vào bất kỳ lúc nào và không cần phải giải thích về quyết định của mình, thông báo cho Nước cử qua đường ngoại giao, rằng Giấy chấp nhận lãnh sự cấp cho người đứng đầu cơ quan lãnh sự đã bị thu hồi hay một viên chức lãnh sự bị tuyên bố là người không được chấp thuận hoặc một thành viên nào khác của cơ quan lãnh sự là người không thể chấp nhận được. Trong trường hợp đó, Nước cử triệu hồi hoặc huỷ bỏ việc bổ nhiệm người có liên quan. Trong trường hợp Nước cử không thực hiện nghĩa vụ này trong khoảng thời gian hợp lý thì Nước tiếp nhận có thể từ chối không coi người đó là thành viên cơ quan lãnh sự.

CHƯƠNG III

CHỨC NĂNG LÃNH SỰ

Điều 16

Mục đích của công tác lãnh sự

Viên chức lãnh sự góp phần thúc đẩy, bằng bất kỳ hình thức hợp pháp nào, sự phát triển quan hệ kinh tế, thương mại, văn hoá và khoa học cũng như du lịch giữa Nước cử và Nước tiếp nhận; phát triển hơn nữa, bằng bất kỳ cách nào khác, mối quan hệ hữu nghị giữa Nước cử và Nước tiếp nhận và bảo vệ các quyền và lợi ích của Nước cử cũng như công dân Nước cử.

Điều 17

Liên hệ với các cơ quan của Nước tiếp nhận

1) Viên chức lãnh sự thực hiện chức năng của mình trong khu vực lãnh sự. Tuy nhiên trong những trường hợp ngoại lệ, viên chức lãnh sự có thể thực hiện chức năng của mình bên ngoài khu vực lãnh sự, nếu Nước tiếp nhận đồng ý.

2) Trong khi thực hiện chức năng của mình viên chức lãnh sự được liên hệ với:

a) các cơ quan địa phương có thẩm quyền trong khu vực lãnh sự;

b) các cơ quan trung ương có thẩm quyền của Nước tiếp nhận, nếu luật, quy định và tập quán của Nước tiếp nhận cũng như các điều ước quốc tế cho phép.

Điều 18

Việc đại diện tại các tổ chức quốc tế

Viên chức lãnh sự có thể đại diện cho Nước cử tại các tổ chức quốc tế có trụ sở tại Nước tiếp nhận sau khi đã gửi thông báo thích hợp cho Nước tiếp nhận.

Điều 19

Đại diện cho công dân trước toà án của Nước tiếp nhận

1) Phù hợp với pháp luật và thủ tục hiện hành ở Nước tiếp nhận, viên chức lãnh sự có quyền đại diện cho công dân của Nước cử hoặc tiến hành những biện pháp thích hợp để đại diện cho các công dân đó trước toà án hay các cơ quan có thẩm quyền khác của Nước tiếp nhận, để yêu cầu tiến hành những biện pháp tạm thời phù hợp với luật và quy định của Nước tiếp nhận, nhằm mục đích bảo vệ quyền và lợi ích của bất kỳ công dân nào trong trường hợp do vắng mặt hoặc vì một lý do nào khác người đó không kịp thời bảo vệ quyền và lợi ích của mình.

2) Việc đại diện được nói tại khoản 1 Điều này sẽ chấm dứt khi người được đại diện đã chỉ định được người đại diện hợp pháp hoặc tự mình đứng ra bảo vệ các quyền và lợi ích đó.

Điều 20

Đăng ký công dân, cấp hộ chiếu và thị thực

Phù hợp với pháp luật Nước cử, viên chức lãnh sự có quyền:

a) đăng ký công dân Nước cử;

b) cấp hộ chiếu, thị thực hoặc các giấy tờ đi lại khác cho công dân Nước cử; cấp lại, bổ sung, gia hạn, huỷ hay thu hồi các hộ chiếu và giấy tờ đó;

c) cấp, gia hạn và huỷ bỏ thị thực cho những người muốn đến Nước cử.

Điều 21

Các chức năng liên quan đến hộ tịch

Phù hợp với pháp luật Nước cử và nếu không trái với pháp luật Nước tiếp nhận, viên chức lãnh sự có quyền:

1) Cử hành lễ kết hôn. Cơ quan lãnh sự phải thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của Nước tiếp nhận về lễ kết hôn đã được tổ chức, nếu pháp luật Nước tiếp nhận đòi hỏi như vậy.

2) Đăng ký khai sinh, kết hôn, khai tử, tiếp nhận hoặc chứng thực các giấy tờ liên quan đến sinh, tử, kết hôn của công dân Nước cử và cấp các giấy tờ thích hợp. Tuy nhiên, quy định này không miễn cho các công dân của

Nước cử nghĩa vụ tuân thủ pháp luật của Nước tiếp nhận có liên quan đến việc đăng ký sinh, tử và kết hôn.

3) Vì các mục đích chính thức và theo yêu cầu của cơ quan lãnh sự, các cơ quan có thẩm quyền của Nước tiếp nhận phải cung cấp cho cơ quan lãnh sự bản sao, trích lục của các giấy tờ về hộ tịch liên quan đến công dân Nước cử.

Điều 22

Các chức năng về công chứng và hợp pháp hoá

Phù hợp với pháp luật hiện hành của Nước cử và Nước tiếp nhận, viên chức lãnh sự có quyền:

a) nhận, soạn thảo và chứng thực các tuyên bố của công dân Nước cử;

b) chứng thực các hợp đồng, trừ các hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu bất động sản ở Nước tiếp nhận giữa công dân của Nước cử với nhau hoặc giữa công dân Nước cử với công dân nước khác, nếu hợp đồng đó được thực hiện ở Nước cử hoặc giữa công dân Nước cử;

c) nhận, soạn thảo, chứng thực các di chúc của công dân Nước cử;

d) chứng thực hoặc hợp pháp hoá các tài liệu, giấy tờ của công dân Nước cử hoặc do các cơ quan có thẩm quyền của Nước cử hoặc Nước tiếp nhận lập ra; chứng thực các bản sao và các đoạn trích của các tài liệu này.

2) Các giấy tờ nói tại khoản 1 của Điều này, do viên chức lãnh sự lập, công chứng hay hợp pháp hoá, được công nhận có giá trị như các giấy tờ do các cơ quan có thẩm quyền của Nước tiếp nhận lập ra, nếu chúng không trái với luật và quy định của nước đó.

Điều 23

Nhận bảo quản

1) Theo yêu cầu của công dân Nước cử, viên chức lãnh sự có quyền nhận bảo quản các giấy tờ, tài liệu, tiền và các đồ vật quý, trừ phi điều đó trái với pháp luật của Nước tiếp nhận.

2) Viên chức lãnh sự cũng có quyền nhận và chuyển cho công dân Nước cử là người sở hữu các đồ vật bị thất lạc trong thời gian họ ở Nước tiếp nhận.

Điều 24

Giám hộ và đỡ đầu

1) Các cơ quan có thẩm quyền của Nước tiếp nhận thông báo cho cơ quan lãnh sự về bất cứ trường hợp nào cần bố trí người giám hộ hay đỡ đầu nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân Nước cử là người vị thành niên hay người bị hạn chế năng lực hành vi. Tuy nhiên việc bố trí giám hộ hay đỡ đầu này không ảnh hưởng đến việc áp dụng luật và quy định của Nước tiếp nhận về vấn đề đó.

2) Phù hợp với mục đích nêu tại khoản 1 Điều này, viên chức lãnh sự có thể liên lạc với các cơ quan có thẩm quyền của Nước tiếp nhận và tiếp xúc với người được chỉ định làm người giám hộ hay đỡ đầu.

Điều 25

Liên lạc và tiếp xúc với công dân của Nước cử

Viên chức lãnh sự có quyền liên hệ và tiếp xúc với bất kỳ công dân nào của Nước cử: giúp đỡ và đưa ra lời khuyên đối với người đó và trong trường hợp cần thiết dành cho người đó sự giúp đỡ pháp lý. Nước tiếp nhận không được hạn chế dưới bất cứ hình thức nào sự liên hệ và tiếp xúc của công dân Nước cử với cơ quan lãnh sự cũng như không được có bất kỳ một hạn chế nào liên quan tới việc ra vào cơ quan lãnh sự.

Điều 26

Liên lạc và tiếp xúc với công dân bị mất tự do

1) Viên chức lãnh sự phải được cơ quan có thẩm quyền của Nước tiếp nhận thông báo kịp thời nhưng không muộn hơn 5 ngày làm việc về việc bắt, tạm giữ hoặc bất kỳ một biện pháp nào hạn chế quyền tự do cá nhân của công dân Nước cử ở trong khu vực lãnh sự.

2) Bất kỳ thông tin nào của người bị tạm giữ với cơ quan lãnh sự đều được cơ quan có thẩm quyền của Nước tiếp nhận gửi ngay cho cơ quan lãnh sự.

3) Viên chức lãnh sự có quyền thăm và liên hệ với công dân Nước cử bị bắt, đang là đối tượng của bất kỳ hình thức hạn chế tự do cá nhân nào hoặc bị kết án tù và, trong trường hợp có thể, dành cho công dân đó sự giúp đỡ để đảm bảo việc bảo hộ. Buổi đến thăm đầu tiên được cho phép càng sớm càng tốt, nhưng trong bất kỳ trường hợp nào cũng không muộn hơn 4 ngày làm

việc kể từ ngày cơ quan lãnh sự được thông báo về việc đó. Những buổi thăm sau đó được cho phép trong những khoảng thời gian hợp lý.

4) Cơ quan có thẩm quyền của Nước tiếp nhận phải thông báo cho những người có liên quan về quyền của họ được liên hệ với viên chức lãnh sự.

5) Các cuộc thăm và liên hệ nói tại khoản 3 và 4 phải được tiến hành phù hợp với luật và các quy định của Nước tiếp nhận. Tuy vậy, luật và các quy định đó không được ngăn cản việc thực hiện các chức năng lãnh sự.

6) Viên chức lãnh sự không hành động thay mặt cho công dân Nước cử đang bị giam giữ nếu người đó phản đối một cách rõ ràng.

7) Người bị giam giữ có quyền nhận, gửi thư từ và những thông tin khác, được nhận quà gồm những đồ dùng cho cá nhân theo quy định của Nước tiếp nhận.

8) Trong trường hợp một phiên toà hoặc một quá trình tố tụng khác được tiến hành ở Nước tiếp nhận đối với công dân Nước cử, và theo yêu cầu của đương sự, Nước tiếp nhận sẽ thông báo cho viên chức lãnh sự của Nước cử về lời buộc tội đối với người đó, về thời gian, địa điểm mở phiên toà hay một quá trình tố tụng khác. Viên chức lãnh sự có quyền có mặt tại phiên toà hay một quá trình tố tụng khác đối với người này.

Điều 27

Tai nạn

Các cơ quan có thẩm quyền của Nước tiếp nhận phải thông báo ngay cho cơ quan lãnh sự về việc công dân Nước cử bị tai nạn nghiêm trọng. Theo yêu cầu của cơ quan lãnh sự, các cơ quan đó phải cung cấp cho cơ quan lãnh sự các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền lập ra về vụ tai nạn có liên quan đến một công dân Nước cử.

Điều 28

Trường hợp công dân Nước cử bị chết

Các cơ quan có thẩm quyền của Nước tiếp nhận phải thông báo ngay cho viên chức lãnh sự về việc một công dân Nước cử bị chết. Theo yêu cầu của cơ quan lãnh sự, các cơ quan đó phải gửi miễn phí giấy chứng tử hoặc bản sao giấy tờ xác nhận về cái chết đó.

Điều 29

Chức năng liên quan tới di sản

1) Các cơ quan có thẩm quyền của Nước tiếp nhận phải thông báo kịp thời cho viên chức lãnh sự về việc mở thừa kế tại Nước tiếp nhận phát sinh từ cái chết của một công dân Nước cử cũng như của một người không kể thuộc quốc tịch nào mà công dân hoặc Nhà nước Nước cử có thể có quyền lợi với tư cách là người thừa kế.

2) Các cơ quan có thẩm quyền của Nước tiếp nhận phải áp dụng các biện pháp cần thiết theo pháp luật nước đó để bảo vệ tài sản của người chết và phải gửi cho viên chức lãnh sự một bản sao di chúc, trong trường hợp có di chúc, cũng như tất cả các thông tin mà các cơ quan này có được liên quan đến những người có quyền thừa kế, nơi thường trú hoặc tạm trú của họ, giá trị và danh mục các di sản, kể cả các khoản có nguồn gốc từ bảo hiểm xã hội, thu nhập và hợp đồng bảo hiểm. Các cơ quan này cũng phải thông báo về thời gian mở thừa kế hoặc quá trình giải quyết.

3) Viên chức lãnh sự có quyền đại diện cho công dân của Nước cử được hưởng di sản hoặc có yêu cầu đối với di sản ở Nước tiếp nhận mà không cần giấy uỷ quyền trước toà án hoặc bất kỳ cơ quan có thẩm quyền nào của Nước tiếp nhận, nếu người thừa kế di sản hoặc người có yêu cầu đối với di sản vắng mặt hoặc chưa chỉ định được một người đại diện hợp pháp khác.

4) Viên chức lãnh sự có quyền yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền của Nước tiếp nhận :

a) Bảo vệ di sản, niêm phong hoặc bỏ niêm phong, áp dụng các biện pháp bảo vệ di sản, kể cả việc chỉ định người quản lý di sản đó, cũng như tham gia vào các hành động nói ở trên;

b) Bán những tài sản thuộc khối di sản và thông báo ngày dự định bán để viên chức lãnh sự có mặt.

5) Sau khi kết thúc việc giải quyết tài sản thừa kế hoặc kết thúc các thủ tục chính thức khác liên quan đến di sản đó, các cơ quan có thẩm quyền của Nước tiếp nhận phải thông báo kịp thời cho viên chức lãnh sự và cho phép chuyển di sản hoặc kỳ phần cho những người được thừa kế sau khi thanh toán các khoản nợ, thuế và lệ phí.

6) Trong trường hợp giá trị của di sản không đáng kể, thì viên chức lãnh sự có quyền nhận và chuyển cho những người có liên quan.

7) Viên chức lãnh sự có quyền nhận chuyển cho công dân Nước cử kỳ phần và di sản nếu họ không thường trú ở Nước tiếp nhận; có quyền nhận các khoản tiền thuộc về những người có liên quan như lương hưu, tiền trợ cấp, tiền bảo hiểm xã hội, tiền công chưa nhận hết, hợp đồng bảo hiểm và các

khoản đền bù khác.

8) Trong trường hợp một công dân Nước cử không thường trú tại Nước tiếp nhận chết trong khi tạm trú ở nước này thì tài sản của họ sẽ được các cơ quan có thẩm quyền Nước tiếp nhận bảo vệ và sau đó chuyển cho viên chức lãnh sự Nước cử mà không cần một thủ tục đặc biệt nào. Viên chức lãnh sự sẽ trang trải các khoản nợ của người chết trong thời gian ở Nước tiếp nhận nếu các khoản nợ đó không vượt quá giá trị tài sản để lại.

9) Việc chuyển tài sản ra khỏi Nước tiếp nhận theo quy định ở Điều này được tiến hành phù hợp với pháp luật của Nước tiếp nhận.

Điều 30

Các chức năng liên quan đến tàu thuỷ của Nước cử

1) Viên chức lãnh sự có quyền dành bất kỳ sự giúp đỡ nào được quy định trong Hiệp định này cho tàu của Nước cử cũng như cho thuyền bộ của các tàu đó trong khi tàu ở trong nội thuỷ hoặc trong lãnh hải Nước tiếp nhận, kể cả ở cảng. Viên chức lãnh sự cũng có quyền kiểm tra và thanh tra trên tàu của Nước cử cũng như đối với thuyền bộ. Vì mục đích này, viên chức lãnh sự có quyền lên tàu Nước cử để phỏng vấn thuyền trưởng và thuyền viên.

2) Thuyền trưởng và các thuyền viên được quyền gặp gỡ và tiếp xúc với viên chức lãnh sự trên tầu và được đến cơ quan lãnh sự phù hợp với luật và các quy định của Nước tiếp nhận, đặc biệt là các quy định của cảng, cũng như liên quan đến việc qua lại biên giới.

3) Để thực hiện các công việc liên quan đến tàu của Nước cử, đến thuyền trưởng và thuyền viên, viên chức lãnh sự có quyền yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền của Nước tiếp nhận giúp đỡ.

Điều 31

Quyền của viên chức lãnh sự liên quan tới tàu thuỷ và thuyền bộ

Với điều kiện là những hoạt động dưới đây không trái với luật và quy định của Nước tiếp nhận, viên chức lãnh sự có quyền:

a) điều tra bất kỳ sự cố nào xảy ra trên tàu của Nước cử; phỏng vấn thuyền trưởng và các thuyền viên; thăm tàu, tiếp nhận, xác minh, soạn thảo hay ký bất kỳ loại chứng nhận nào hoặc các giấy tờ khác liên quan tới tàu; đưa ra những tuyên bố liên quan tới tàu ; hàng hoá hay lịch trình của nó cũng như cấp giấy tờ cần thiết nhằm tạo thuận lợi cho việc đến, lưu lại cũng như rời đi của tàu;

b) giải quyết hay tạo thuận lợi cho việc giải quyết mọi tranh chấp giữa thuyền trưởng và các thuyền viên, kể cả những tranh chấp liên quan tới Hợp đồng lao động và các điều kiện lao động phù hợp với pháp luật của Nước cử;

c) thực hiện các công việc có liên quan đến tuyển dụng hay sa thải thuyền trưởng và thuyền viên phù hợp với luật pháp hiện hành của Nước cử;

d) thi hành các biện pháp cần thiết để đảm bảo việc cứu chữa và đưa về nước thuyền trưởng hoặc bất kỳ một thuyền viên nào;

e) giúp đỡ thuyền trưởng và bất kỳ thuyền viên nào trong việc liên hệ với toà án và các nhà chức trách khác của Nước tiếp nhận;

f) tiến hành tất cả các biện pháp có ích nhằm bảo vệ kỷ cương trật tự trên tàu.

Điều 32

Sự can thiệp của nhà chức trách Nước tiếp nhận trên tàu

1) Trong trường hợp toà án hay bất kỳ cơ quan có thẩm quyền nào của Nước tiếp nhận muốn bắt hoặc giữ trên tàu của Nước cử thuyền trưởng, bất kỳ thuyền viên , hành khách nào của tàu đó hay bất kỳ một người nào không là công dân Nước tiếp nhận, tịch biên tài sản trên tàu hoặc tiến hành một cuộc điều tra chính thức trên tàu thì các cơ quan có thẩm quyền Nước tiếp nhận phải báo trước để viên chức lãnh sự có thể có mặt khi tiến hành các biện pháp đó. Tuy nhiên, trong trường hợp khẩn cấp không thể thông báo trước cho viên chức lãnh sự hoặc nếu viên chức lãnh sự không có mặt khi tiến hành các biện pháp nói trên thì các nhà chức trách của Nước tiếp nhận phải thông báo kịp thời và đầy đủ về các biện pháp đã tiến hành. Các cơ quan có thẩm quyền của Nước tiếp nhận cũng phải tạo điều kiện cho viên chức lãnh sự đến thăm người bị bắt hoặc tạm giam cũng như liên hệ với người này và thực hiện các biện pháp thích hợp để bảo vệ quyền lợi của người hoặc tàu có liên quan.

2) Những quy định ở khoản 1 Điều này cũng áp dụng nếu cơ quan có thẩm quyền của Nước tiếp nhận yêu cầu thuyền trưởng hoặc thuyền viên thuộc tầu của Nước cử lên bờ để trả lời những câu hỏi về những vấn đề có liên quan đến tàu.

3) Trừ khi theo yêu cầu hoặc được phép của viên chức lãnh sự hay của thuyền trưởng tàu của Nước cử, cơ quan tư pháp hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác của Nước tiếp nhận không được can thiệp vào những công việc nội bộ trên tàu Nước cử, như vấn đề quan hệ giữa các thuyền viên, quan hệ lao động, nội quy trên tàu và những hoạt động khác mang tính nội bộ của tàu, với điều kiện không vi phạm luật và các quy định của Nước tiếp

nhân về trật tự và an toàn xã hội.

4) Các quy định của khoản 1 Điều này không áp dụng đối với các cuộc kiểm tra bình thường do các cơ quan có thẩm quyền của Nước cử tiến hành về hộ chiếu, hải quan, y tế, ô nhiễm biển, cứu nạn người trên biển hoặc trong trường hợp khác theo yêu cầu hoặc được sự đồng ý của thuyền trưởng.

Điều 33

Chức năng liên quan tới tàu bị hư hại hay bị đắm

1) Nếu tàu của Nước cử bị đắm, hư hại, mắc cạn hoặc bị dạt lên bờ hay bất kỳ sự cố nào xảy ra với tàu trong lãnh hải hoặc nội thuỷ của Nước tiếp nhận, kể cả ở trong cảng, thì các cơ quan có thẩm quyền của nước đó phải thông báo kịp thời cho viên chức lãnh sự biết.

2) Trong những trường hợp nói tại khoản 1 Điều này, các cơ quan có thẩm quyền của Nước tiếp nhận phải tiến hành các biện pháp cần thiết phù hợp với pháp luật của Nước tiếp nhận để cứu hộ và bảo vệ tàu, hành khách, thuyền bộ, các thiết bị của tàu, hàng hoá, tài sản cũng như các đồ vật khác trên tàu, và để tránh hoặc nhằm mục đích ngăn chặn những tổn hại đối với tài sản do sự lôn xộn trên tàu gây ra. Những biện pháp này cũng được thực hiện đối với đồ vật của tàu hoặc hàng hoá bị văng ra khỏi tàu. Các nhà chức trách của Nước tiếp nhận phải thông báo cho viên chức lãnh sự về các biện pháp đã được thực hiện. Các nhà chức trách này phải giúp đỡ viên chức lãnh sự thực hiện mọi biện pháp cần thiết khi tàu bị hư hại, mắc cạn hoặc bị đắm.

3) Khi chủ tàu, thuyền trưởng hoặc bất kỳ người được uỷ quyền nào khác không thể có mặt hoặc không thể tiến hành các biện pháp để bảo vệ và cứu hộ tàu hay quản lý những tài sản, hàng hoá trên tàu thì viên chức lãnh sự có thể thay mặt cho chủ tàu thực hiện những biện pháp mà chủ tàu hay chủ hàng có thể làm trong trường hợp như vậy hoặc yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền của Nước tiếp nhận thực hiện những biện pháp đó.

4) Viên chức lãnh sự cũng có thể tiến hành các biện pháp theo khoản 3 Điều này khi bất kỳ một đồ vật nào thuộc về công dân Nước cử có nguồn gốc từ tàu hoặc hàng hoá của tàu, được đưa đến cảng hoặc tìm thấy trên bờ biển hay gần bờ biển hoặc trên các con tàu bị đắm, bị hư hại hay bị mắc cạn. Các cơ quan có thẩm quyền của Nước tiếp nhận phải thông báo kịp thời cho viên chức lãnh sự về việc tìm thấy những vật đó.

5) Viên chức lãnh sự có quyền tham gia vào việc điều tra về nguyên nhân của việc tàu bị hư hại, mắc cạn hoặc bị đắm, phù hợp với luật và quy định của Nước tiếp nhận.

Điều 34

Các chức năng liên quan đến việc một thuyền viên bị chết hay mất tích

1) Nếu thuyền trưởng hoặc bất kỳ một thuyền viên nào bị chết hoặc mất tích trong khi tàu đang ở Nước tiếp nhận, thuyền trưởng hoặc người thay thế thuyền trưởng cũng như viên chức lãnh sự của Nước cử là những người có quyền tiến hành thống kê các hàng hoá, tài sản và đồ vật có giá trị của người chết hoặc mất tích và tiến hành các biện pháp cần thiết để bảo vệ hàng hoá và thanh toán tài sản đó. Tuy nhiên, nếu một người chết hay mất tích là công dân của Nước tiếp nhận thì thuyền trưởng hay người thay thế thuyền trưởng phải làm một bản xác nhận cái chết hay việc mất tích đó. Một bản sao của bản xác nhận này sẽ được chuyển cho cơ quan có thẩm quyền của Nước tiếp nhận để cơ quan này tiến hành các biện pháp cần thiết nhằm bảo vệ tài sản và nếu cần, để thanh toán tài sản đó. Các nhà chức trách đó phải thông báo cho cơ quan lãnh sự của Nước cử về các biện pháp của họ.

2) Nếu viên chức lãnh sự thực hiện quyền của mình liên quan tới tài sản theo quy định của khoản 1 Điều này thì phải hành động phù hợp với luật và quy định của Nước tiếp nhận.

Điều 35

Chức năng liên quan tới tàu bay

Các điều 30, 31, 32, 33 và 34 Hiệp định này cũng được áp dụng một cách thích hợp đối với tàu bay dân dụng của Nước cử, với điều kiện là sự áp dụng này không mâu thuẫn với các điều ước quốc tế song phương hay đa phương mà cả hai Bên đều ký kết hoặc tham gia.

Điều 36

Phí và lệ phí lãnh sự

1) Phù hợp với luật và quy định của Nước cử, cơ quan lãnh sự có quyền thu trên lãnh thổ Nước tiếp nhận phí và lệ phí cho các hoạt động lãnh sự.

2) Số tiền thu được từ các hoạt động lãnh sự nói tại khoản 1 Điều này được miễn mọi thứ thuế và lệ phí ở Nước tiếp nhận.

3) Nước tiếp nhận cho phép cơ quan lãnh sự gửi số tiền thu được vào tài khoản chính thức của cơ quan lãnh sự ở ngân hàng.

Điều 37

Chuyển giao tài liệu

Viên chức lãnh sự có quyền nhận và chuyển các giấy tờ, tài liệu tư pháp hay không tư pháp, tiến hành lấy lời khai cho các toà án Nước cử phù hợp với các điều ước quốc tế hiện hành giữa Nước cử và Nước tiếp nhận, và nếu không có các điều ước này thì bằng một cách khác phù hợp với luật và quy định hiện hành của Nước tiếp nhận. Quyền nói ở trên chỉ thực hiện đối với công dân Nước cử và không được áp dụng bất kỳ một biện pháp cưỡng ép nào.

Điều 38

Các chức năng lãnh sự khác

Viên chức lãnh sự có quyền thực hiện các chức năng lãnh sự khác do Nước cử uỷ nhiệm, trừ khi các chức năng đó trái với luật và quy định của Nước tiếp nhận hoặc nếu Nước tiếp nhận phản đối việc thực hiện các chức năng đó.

CHƯƠNG IV

TẠO THUẬN LỢI, QUYỀN ƯU ĐÃI VÀ MIỄN TRỪ

Điều 39

Tạo thuận lợi cho hoạt động của cơ quan lãnh sự

Nước tiếp nhận tạo thuận lợi cho cơ quan lãnh sự thực hiện chức năng lãnh sự và tiến hành các biện pháp cần thiết để đảm bảo cho thành viên cơ quan lãnh sự có thể thực hiện các công việc chính thức và cho họ hưởng các quyền ưu đãi, miễn trừ quy định trong Hiệp định này.

Điều 40

Sử dụng quốc kỳ và quốc huy

1) Nước cử có quyền sử dụng quốc kỳ và quốc huy ở Nước tiếp nhận phù hợp với quy định của Điều này.

2) Quốc kỳ của Nước cử có thể được treo trên toà nhà nơi đặt trụ sở cơ quan lãnh sự, trên nhà riêng của người đứng đầu cơ quan lãnh sự và trên phương tiện giao thông của người đó khi dùng vào mục đích chính thức.

3) Quốc huy của Nước cử cùng với một bảng để tên thích hợp bằng tiếng Nước cử và tiếng Nước tiếp nhận có thể được gắn trên trụ sở cơ quan lãnh sự cũng như nhà ở người đứng đầu cơ quan lãnh sự.

4) Trong khi thực hiện các quyền nói ở Điều này cần phải tôn trọng luật, các quy định và tập quán của Nước tiếp nhận.

Điều 41

Trụ sở và nhà ở

Nước tiếp nhận phải giúp đỡ Nước cử có được trụ sở cần thiết cho hoạt động của cơ quan lãnh sự và nếu cần thì cả nhà ở thích hợp cho thành viên cơ quan lãnh sự phù hợp với luật và quy định hiện hành của Nước tiếp nhận.

Điều 42

Tạo thuận lợi để có đất và nhà ở

1) Phù hợp với luật và quy định của Nước tiếp nhận, Nước cử có quyền:

a) có các toà nhà hoặc phần của toà nhà để dùng làm trụ sở của cơ quan lãnh sự hoặc nhà ở của người đứng đầu cơ quan lãnh sự hoặc các thành viên khác của cơ quan này;

b) xây dựng và cải tạo các toà nhà sử dụng vào các mục đích nói trên;

c) chuyển quyền sử dụng các toà nhà hoặc các phần của toà nhà nói trên.

2) Các quy định của khoản 1 Điều này không miễn cho Nước cử nghĩa vụ tuân thủ các quy định và các hạn chế liên quan đến xây dựng, quy hoạch đô thị, bảo vệ các di sản kiến trúc được áp dụng đối với khu vực nơi có toà nhà hoặc các phần của toà nhà nói trên.

Điều 43

Sự bất khả xâm phạm của trụ sở cơ quan lãnh sự và nhà ở của viên chức lãnh sự

1) Trụ sở của cơ quan lãnh sự và nhà ở của viên chức lãnh sự là bất khả xâm phạm. Nhà chức trách của Nước tiếp nhận không được vào trụ sở cơ quan lãnh sự và nhà ở của viên chức lãnh sự trừ khi có sự đồng ý của người đứng đầu cơ quan lãnh sự, của người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao của Nước cử hoặc của người được một trong hai người nói trên chỉ định.

2) Nước tiếp nhận có nghĩa vụ tiến hành mọi biện pháp cần thiết để ngăn chặn việc xâm nhập bằng vũ lực hoặc gây tổn hại đến trụ sở cơ quan lãnh sự cũng như bất cứ hành động nào xâm phạm sự yên tĩnh hoặc gây tổn hại đến sự trang nghiêm của cơ quan lãnh sự.

Điều 44

Miễn trưng dụng

Trụ sở cơ quan lãnh sự, nhà ở của người đứng đầu cơ quan lãnh sự và của các thành viên khác của cơ quan, đồ dùng của họ, các tài sản và các phương tiện giao thông của cơ quan lãnh sự không bị trưng dụng dưới bất kỳ hình thức nào vào mục đích quốc phòng hay công cộng.

Điều 45

Miễn thuế đối với trụ sở cơ quan lãnh sự

1) Trụ sở cơ quan lãnh sự, nhà ở của người đứng đầu cơ quan lãnh sự mà Nước cử hay bất kỳ người nào đại diện cho Nước cử là người sở hữu hoặc người thuê được miễn mọi thứ thuế hay các khoản thu của Nhà nước, tỉnh, thành phố hoặc địa phương, trừ các khoản tiền thu cho các dịch vụ.

2) Việc miễn thuế nói ở khoản 1 Điều này không áp dụng đối với các thứ thuế và lệ phí như vậy nếu theo luật và qui định của Nước tiếp nhận người ký hợp đồng với Nước cử hoặc với người đại diện cho Nước cử phải trả.

Điều 46

Sự bất khả xâm phạm của hồ sơ lưu trữ và tài liệu lãnh sự

Hồ sơ lưu trữ và tài liệu lãnh sự là bất khả xâm phạm bất cứ lúc nào và bất cứ ở đâu.

Điều 47

Tự do liên lạc

1) Nước tiếp nhận cho phép và bảo vệ việc tự do liên lạc của cơ quan lãnh sự vì mọi mục đích chính thức.

Trong việc liên lạc với Chính phủ, với các cơ quan đại diện ngoại giao và các cơ quan lãnh sự khác của Nước cử đóng ở bất cứ chỗ nào, cơ quan lãnh sự có thể dùng mọi phương tiện thích hợp, kể cả giao thông viên ngoại giao hoặc giao thông viên lãnh sự, túi ngoại giao hoặc túi lãnh sự và điện mật mã. Tuy nhiên, cơ quan lãnh sự chỉ có thể đặt và dùng máy vô tuyến điện phát tin khi có sự đồng ý của Nước tiếp nhận.

2) Thư từ chính thức của cơ quan lãnh sự là bất khả xâm phạm.

"**Thư từ chính thức**" có nghĩa là mọi thư từ liên quan đến cơ quan lãnh sự và chức năng của cơ quan lãnh sự đó.

3) Túi lãnh sự không bị mở hoặc giữ lại.

4) Các gói tạo thành túi lãnh sự phải mang dấu hiệu rõ ràng ở bên ngoài về tính chất của nó và chỉ được chứa thư từ và tài liệu chính thức hoặc các đồ vật để sử dụng chính thức.

5) Giao thông viên lãnh sự được cấp một giấy tờ chính thức ghi rõ địa vị của họ và số lượng gói tạo thành túi lãnh sự. Trừ khi có sự đồng ý của Nước tiếp nhận, giao thông viên lãnh sự không được là công dân của Nước tiếp nhận và cũng không phải là người thường trú ở nước đó. Sự đòi hỏi đồng ý này không áp dụng đối với người thường trú tại Nước tiếp nhận nhưng là công dân của Nước cử. Trong khi thực thi công vụ, giao thông viên lãnh sự được Nước tiếp nhận bảo vệ. Giao thông viên lãnh sự được hưởng sự bất khả xâm phạm về thân thể và không bị bắt, tạm giam hoặc hạn chế tự do cá nhân dưới bất kỳ hình thức nào.

6) Nước cử lãnh sự và cơ quan lãnh sự của Nước cử có thể chỉ định những giao thông viên lãnh sự tạm thời và họ sẽ được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ quy định tại khoản 5 Điều này cho tới khi họ chuyển giao xong túi lãnh sự.

7) Có thể giao túi lãnh sự cho người chỉ huy tàu thuỷ hoặc tàu bay dự kiến sẽ đến cửa khẩu được phép. Người đó phải mang theo giấy tờ chính thức ghi rõ số lượng gói tạo thành túi lãnh sự, nhưng không được coi là giao thông viên lãnh sự. Cơ quan lãnh sự có thể thu xếp với nhà chức trách

địa phương có thẩm quyền để cử một thành viên cơ quan lãnh sự đến nhận hoặc trao một cách trực tiếp và tự do túi lãnh sự cho người chỉ huy tàu thuỷ hoặc tàu bay đó.

Điều 48

Bảo vệ viên chức lãnh sự

Nước tiếp nhận phải tôn trọng viên chức lãnh sự và thi hành mọi biện pháp thích hợp để ngăn ngừa mọi sự xâm phạm thân thể, tự do và phẩm cách của họ.

Điều 49

Sự bất khả xâm phạm về thân thể của viên chức lãnh sự

Viên chức lãnh sự được hưởng quyền bất khả xâm phạm về thân thể và không thể bị bắt hay bị tạm giam hoặc bị hạn chế tự do dưới bất kỳ hình thức nào.

Điều 50

Quyền miễn trừ xét xử của các thành viên cơ quan lãnh sự

1) Viên chức lãnh sự được hưởng tất cả các quyền ưu đãi và miễn trừ xét xử về hình sự, dân sự và hành chính.

2) Nhân viên lãnh sự và nhân viên phục vụ không chịu sự xét xử về hình sự, dân sự và hành chính của Nước tiếp nhận đối với mọi hành vi trong khi thực hiện các chức năng lãnh sự.

3) Tuy nhiên các qui định của Điều này không áp dụng đối với một vụ kiện dân sự :

a) xảy ra vì một hợp đồng do một thành viên cơ quan lãnh sự ký kết mà không phải là rõ ràng hoặc hàm ý đứng trên danh nghĩa là người đại diện cho Nước cử;

b) do bên thứ ba tiến hành về thiệt hại do tai nạn xe cộ, tầu thuỷ hoặc tầu bay xảy ra tại Nước tiếp nhận.

Điều 51

Cung cấp chứng cứ

1) Viên chức lãnh sự có thể được mời đến làm nhân chứng trong quá trình tiến hành tố tụng về tư pháp hoặc hành chính. Nếu viên chức lãnh sự từ chối cung cấp chứng cứ thì không được áp dụng biện pháp cưỡng chế hoặc hình phạt đối với người này.

2) Nhân viên lãnh sự và nhân viên phục vụ trong cơ quan lãnh sự có thể được mời đến làm nhân chứng trong quá trình tiến hành tố tụng về tư pháp hoặc hành chính. Nhân viên lãnh sự hoặc nhân viên phục vụ không được từ chối đưa ra lời khai, trừ các trường hợp nói ở khoản 3 Điều này.

3) Thành viên của cơ quan lãnh sự có quyền từ chối đưa ra lời khai về bất cứ vấn đề nào có liên quan đến việc thực hiện chức năng của mình hoặc phải cung cấp thư từ và các tài liệu có liên quan khác. Họ cũng có quyền từ chối đưa ra lời khai với tư cách là chuyên viên pháp luật của Nước cử.

4) Nhà chức trách yêu cầu thành viên cơ quan lãnh sự cung cấp chứng cứ phải tránh làm trở ngại việc thực hiện chức năng của người này. Nếu được, có thể lấy lời khai tại nhà riêng hoặc tại cơ quan lãnh sự bằng cách khai nói hay viết một bản khai.

Điều 52

Việc từ bỏ các quyền ưu đãi và miễn trừ

1) Nước cử có thể từ bỏ các quyền ưu đãi và miễn trừ quy định tại Điều 49, 50 và 51. Việc từ bỏ phải rõ ràng và phải được thông báo bằng văn bản cho cơ quan có thẩm quyền của Nước tiếp nhận.

2) Khi thành viên cơ quan lãnh sự tiến hành khởi kiện về một vấn đề mà họ có thể được hưởng quyền miễn trừ xét xử thì họ không được viện dẫn quyền miễn trừ xét xử khi có sự phản kiện liên quan trực tiếp đến đơn khởi kiện.

3) Việc từ bỏ quyền miễn trừ xét xử về một vụ kiện dân sự hay hành chính không được coi như bao hàm cả việc từ bỏ quyền miễn trừ đối với các biện pháp thi hành án; về vấn đề này cần phải có sự từ bỏ riêng.

Điều 53

Miễn các nghĩa vụ phục vụ và đóng góp cá nhân

Nước tiếp nhận miễn cho thành viên cơ quan lãnh sự mọi nghĩa vụ đóng góp cá nhân và phục vụ công cộng dưới bất kỳ hình thức nào cũng như những nghĩa vụ đối với quân đội như trưng dụng, đóng góp về quân sự và cho đóng quân trong nhà mình.

Điều 54

Miễn đăng ký ngoại kiều và giấy phép cư trú

1) Thành viên cơ quan lãnh sự được miễn mọi nghĩa vụ theo luật và quy định của Nước tiếp nhận đối với việc đăng ký ngoại kiều, giấy phép cư trú và các thủ tục khác đối với người nước ngoài.

2) Tuy nhiên những quy định của khoản 1 Điều này không áp dụng đối với bất kỳ nhân viên lãnh sự nào không phải là nhân viên trong biên chế của Nước cử hoặc là người có hoạt động nghề nghiệp sinh lợi cá nhân tại Nước tiếp nhận cũng như không áp dụng đối với bất kỳ thành viên gia đình nào của nhân viên đó.

Điều 55

Miễn thuế

1) Viên chức lãnh sự và nhân viên lãnh sự được miễn mọi thứ thuế và các khoản thu tương tự do nhà nước, tỉnh, thành phố và địa phương ở Nước tiếp nhận thu, trừ :

a) thuế gián thu thông thường được gộp vào giá hàng hoá hay giá dịch vụ;

b) thuế hay các khoản thu tương tự khác đối với bất động sản tư nhân trên lãnh thổ Nước tiếp nhận, trừ những quy định ở Điều 45;

c) thuế và các khoản thu tương tự do Nước tiếp nhận thu đối với tài sản thừa kế hoặc việc chuyển nhượng tài sản thừa kế, trừ những quy định ở Điều 60;

d) thuế và các khoản thu tương tự đối với thu nhập cá nhân có nguồn gốc ở Nước tiếp nhận;

e) thuế và các khoản thu đối với việc thuê phục vụ riêng;

f) lệ phí đăng ký, lệ phí toà án hoặc hồ sơ, lệ phí thế chấp bất động sản và tiền tem, trừ những quy định của Điều 45.

2) Những nhân viên phục vụ được miễn thuế và lệ phí đối với tiền công phục vụ của họ với điều kiện họ không là công dân của Nước tiếp nhận hay người thường trú tại nước đó.

3) Thành viên cơ quan lãnh sự có thuê người làm mà tiền lương hay tiền công của họ không được miễn thuế thu nhập ở Nước tiếp nhận thì phải thực hiện những nghĩa vụ do pháp luật nước đó qui định đối với người thuê lao động liên quan đến việc nộp thuế thu nhập.

Điều 56

Miễn thuế quan và kiểm tra hải quan

1) Phù hợp với luật và các quy định mà nước mình có thể đưa ra, Nước tiếp nhận cho phép nhập khẩu, xuất khẩu và miễn mọi thứ thuế và các lệ phí liên quan, trừ tiền lưu kho, tiền vận chuyển và tiền trả cho những việc phục vụ tương tự đối với :

a) các đồ dùng chính thức của cơ quan lãnh sự;

b) các đồ dùng cá nhân của viên chức lãnh sự, kể cả những đồ dùng cần thiết khi mới được bổ nhiệm. Những đồ dùng này không vượt quá số lượng cần thiết cho việc sử dụng trực tiếp của những người này.

2) Nhân viên lãnh sự được hưởng những sự ưu đãi và miễn trừ như quy định ở mục (b) khoản 1 Điều này đối với đồ dùng nhập khẩu lần đầu khi họ mới đến.

3) Hành lý cá nhân đi kèm theo viên chức lãnh sự được miễn kiểm tra hải quan. Chỉ có thể kiểm tra hành lý đó khi có lý do xác đáng để tin rằng bên trong có những đồ vật khác với số đồ dùng nói ở mục (b) khoản 1 Điều này, hoặc những đồ vật mà luật và các quy định của Nước tiếp nhận cấm nhập khẩu hoặc xuất khẩu hay những đồ vật phải tuân theo luật và các quy định về kiểm dịch. Trong trường hợp như vậy, việc kiểm tra phải được tiến hành với sự có mặt của viên chức lãnh sự đó hoặc của người đại diện hợp pháp.

Điều 57

Miễn giấy phép lao động

1) Đối với những công việc phục vụ cho Nước cử, thành viên cơ quan lãnh sự được miễn mọi nghĩa vụ liên quan đến giấy phép lao động theo luật và các quy định của Nước tiếp nhận về tuyển dụng nhân công nước ngoài.

2) Nhân viên phục vụ riêng của viên chức lãnh sự và của nhân viên lãnh sự, nếu không có hoạt động nghề nghiệp sinh lợi khác tại Nước tiếp nhận sẽ được miễn các nghĩa vụ nói ở khoản 1 Điều này.

Điều 58

Miễn bảo hiểm xã hội

1) Đối với những việc phục vụ cho Nước cử, thành viên cơ quan lãnh sự được miễn những nghĩa vụ về bảo hiểm xã hội có thể đang có hiệu lực ở Nước tiếp nhận trừ những quy định ở khoản 3 Điều này.

2) Việc miễn trừ nói ở khoản 1 Điều này cũng áp dụng đối với những nhân viên phục vụ riêng chỉ giúp việc cho các thành viên cơ quan lãnh sự, với điều kiện:

a) họ không phải là công dân của Nước tiếp nhận hoặc là người thường trú tại nước đó, và

b) họ phải tuân theo các quy định về bảo hiểm xã hội hiện hành ở Nước cử hoặc ở một nước thứ ba.

3) Những thành viên cơ quan lãnh sự thuê người không được miễn trừ theo khoản 2 Điều này phải tuân theo những nghĩa vụ mà các quy định về bảo hiểm xã hội của Nước tiếp nhận đặt ra đối với người thuê lao động.

4) Việc miễn trừ qui định ở khoản 1 và 2 của Điều này sẽ không cản trở sự tham gia tự nguyện chế độ bảo hiểm xã hội của Nước tiếp nhận, với điều kiện là sự tham gia đó được Nước tiếp nhận cho phép.

Điều 59

Quy định đặc biệt về hoạt động cá nhân sinh lời

1) Viên chức lãnh sự chuyên nghiệp không được hoạt động nghề nghiệp hoặc thương mại ở Nước tiếp nhận để kiếm lời cho cá nhân.

2) Những quyền ưu đãi, miễn trừ quy định tại Hiệp định này không áp dụng với:

a) nhân viên lãnh sự, nhân viên phục vụ hoạt động cá nhân sinh lợi tại Nước tiếp nhận;

b) những thành viên trong gia đình của một người nêu ở mục (a) khoản này hoặc các nhân viên phục vụ riêng của người đó;

c) những thành viên trong gia đình một thành viên cơ quan lãnh sự mà bản thân họ có hoạt động tư kiếm lời ở Nước tiếp nhận.

Điều 60

Di sản của một thành viên cơ quan lãnh sự

Trong trường hợp một thành viên cơ quan lãnh sự chết tại Nước tiếp nhận, Nước tiếp nhận:

a) cho phép xuất khẩu động sản của người chết, trừ bất kỳ tài sản nào có được ở Nước tiếp nhận mà bị cấm xuất khẩu lúc người đó chết.

b) không thu thuế hoặc các khoản thu khác đối với các tài sản thừa kế là động sản hoặc đối với việc chuyển nhượng tài sản thừa kế này sở dĩ có được là do sự có mặt của người đó ở Nước tiếp nhận với tư cách là một thành viên cơ quan lãnh sự.

Điều 61

Tự do đi lại

Trừ các khu vực cấm hoặc hạn chế đi lại vì lý do an ninh quốc gia theo luật và quy định của Nước tiếp nhận, tất cả các thành viên của cơ quan lãnh sự được phép đi lại tự do trên lãnh thổ nước này.

Điều 62

Bảo hiểm đối với các phương tiện giao thông

Phương tiện giao thông là tài sản của Nước cử và chỉ sử dụng vào mục đích của cơ quan lãnh sự hoặc thuộc sở hữu của bất kỳ thành viên nào của cơ quan lãnh sự phải bị bảo hiểm bắt buộc.

Điều 63

Bảo hiểm đối với những thiệt hại gây ra cho bên thứ ba

Thành viên cơ quan lãnh sự phải tuân thủ mọi nghĩa vụ theo luật và quy định của Nước tiếp nhận về việc bảo hiểm những thiệt hại gây ra cho bên thứ ba do việc sử dụng phương tiện giao thông.

Điều 64

Quyền ưu đãi miễn trừ của thành viên gia đình

Thành viên gia đình của thành viên cơ quan lãnh sự được hưởng các quyền ưu đãi, miễn trừ tương ứng mà bản thân thành viên cơ quan lãnh sự được hưởng theo quy định tại các Điều 49, 50 khoản 1, 53, 54, 55, 56, 58, 60 và 61 Hiệp định này nếu họ không phải là công dân của Nước tiếp nhận hoặc người thường trú hay người làm công ở nước đó.

Điều 65

Bắt đầu và chấm dứt các quyền ưu đãi và miễn trừ

1) Thành viên cơ quan lãnh sự được hưởng những quyền ưu đãi và miễn trừ quy định trong Hiệp định này từ khi họ nhập cảnh vào lãnh thổ Nước tiếp nhận để nhậm chức hoặc nếu họ đã ở trên lãnh thổ nước đó thì từ khi họ bắt đầu thực hiện nhiệm vụ của mình ở cơ quan lãnh sự.

2) Những thành viên gia đình một thành viên cơ quan lãnh sự và các nhân viên phục vụ riêng của người đó được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ quy định trong Hiệp định này kể từ ngày muộn nhất trong những ngày sau đây: ngày thành viên cơ quan lãnh sự đó được hưởng quyền ưu đãi và miễn trừ phù hợp với khoản 1 Điều này hoặc ngày những người này vào lãnh thổ Nước tiếp nhận hoặc ngày họ trở thành thành viên gia đình hoặc nhân viên phục vụ riêng cho một thành viên cơ quan lãnh sự.

3) Khi một thành viên cơ quan lãnh sự kết thúc nhiệm vụ của mình thì thông thường quyền ưu đãi và miễn trừ của người đó và của các thành viên gia đình cũng như các nhân viên phục vụ riêng của người đó chấm dứt vào ngày sớm nhất trong những ngày sau đây: ngày thành viên cơ quan lãnh sự rời khỏi Nước tiếp nhận hoặc ngày cuối cùng của một thời hạn thích hợp để rời khỏi nước đó tính theo ngày sớm nhất. Đối với trường hợp những người nêu ở khoản 2 Điều này, thì họ sẽ thôi không được hưởng quyền ưu đãi và miễn trừ nữa khi họ không còn là thành viên gia đình hoặc thôi không còn giúp việc cho thành viên cơ quan lãnh sự; tuy nhiên với điều kiện những người đó muốn rời khỏi Nước tiếp nhận trong một thời hạn thích hợp thì họ

còn được hưởng quyền ưu đãi và miễn trừ cho đến lúc rời hẳn Nước tiếp nhận.

4) Tuy nhiên đối với những hành động của một viên chức lãnh sự hoặc một nhân viên lãnh sự trong khi thực hiện chức năng của mình thì quyền miễn trừ xét xử sẽ tiếp tục tồn tại không bị giới hạn về thời gian.

5) Trong trường hợp một thành viên cơ quan lãnh sự chết thì những thành viên gia đình người đó vẫn tiếp tục được hưởng quyền ưu đãi và miễn trừ cho đến ngày sớm nhất trong những ngày sau đây: ngày rời khỏi Nước tiếp nhận hoặc ngày cuối cùng của một thời hạn thích hợp để rời khỏi nước đó.

Điều 66

Những người không được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ

1) Thành viên của cơ quan lãnh sự là công dân của Nước tiếp nhận hoặc người thường trú ở đó không được hưởng các quyền ưu đãi, miễn trừ quy định tại Hiệp định này trừ các quy định tại khoản 3 Điều 51.

2) Tuy nhiên Nước tiếp nhận thực hiện quyền xét xử đối với những người nói ở khoản 1 Điều này sao cho không gây trở ngại vô cớ dưới bất kỳ hình thức nào đối với việc thực hiện chức năng của cơ quan lãnh sự.

CHƯƠNG V

CÁC ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 67

Tôn trọng luật và các quy định của Nước tiếp nhận

1) Không ảnh hưởng đến các quyền ưu đãi và miễn trừ của mình, tất cả những người được hưởng quyền ưu đãi và miễn trừ nêu trong Hiệp định này đều có nghĩa vụ tôn trọng luật và các quy định của Nước tiếp nhận. Họ cũng có trách nhiệm không được can thiệp vào công việc nội bộ của Nước tiếp nhận.

2) Không được dùng trụ sở cơ quan lãnh sự một cách không phù hợp với việc thực hiện chức năng lãnh sự.

3) Những quy định ở khoản 2 Điều này không loại trừ khả năng đặt trụ sở của những cơ quan hoặc đại lý khác ở một phần của toà nhà mà trong đó cơ quan lãnh sự đặt trụ sở, miễn là những trụ sở đó phải tách riêng với trụ sở cơ quan lãnh sự. Trong trường hợp đó, theo mục đích của Hiệp định này, các cơ quan nói trên không được coi là một bộ phận của trụ sở cơ quan

lãnh sự.

Điều 68

Các thành viên cơ quan đại diện ngoại giao thực hiện chức năng lãnh sự

1) Tất cả các quy định của Hiệp định này cũng áp dụng trong trường hợp các thành viên cơ quan đại diện ngoại giao thực hiện chức năng lãnh sự.

2) Họ và tên các thành viên cơ quan đại diện ngoại giao được uỷ nhiệm thực hiện công việc lãnh sự của cơ quan đại diện ngoại giao phải được thông báo cho Bộ ngoại giao Nước tiếp nhận.

3) Thành viên cơ quan đại diện ngoại giao được nói tới tại khoản 2 Điều này tiếp tục được hưởng các quyền ưu đãi và miễn trừ như quy chế ngoại giao.

Điều 69

Phê chuẩn và hiệu lực của Hiệp định

1) Hiệp định này phải được phê chuẩn và có hiệu lực vào ngày thứ ba mươi kể từ ngày hai Bên ký kết trao đổi các văn kiện phê chuẩn.

2) Hiệp định này có thể được sửa đổi, bổ sung. Bất kỳ sự sửa đổi, bổ sung nào cũng sẽ được tiến hành qua đường ngoại giao và sẽ có hiệu lực sau 30 ngày kể từ ngày hai Bên ký kết thông báo cho nhau về việc đã hoàn thành các thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật nước mình để những sửa đổi, bổ sung này có hiệu lực.

3) Hiệp định này có hiệu lực không thời hạn. Mỗi Bên ký kết có thể huỷ bỏ Hiệp định bằng việc thông báo bằng văn bản cho Bên ký kết kia về việc này. Trong trường hợp đó Hiệp định tiếp tục có hiệu lực thêm 6 tháng kể từ ngày thông báo.

Để làm bằng, những người được uỷ quyền của các Bên ký kết đã ký Hiệp định này.

Làm tại Hà nội, ngày 8 tháng 7 năm 1995 thành hai bản, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng Rumani và tiếng Anh. Văn bản tiếng Việt và văn bản tiếng Rumani có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự giải thích khác nhau thì văn bản tiếng Anh sẽ được dùng để đối chiếu.

THAY MẶT
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

Nguyễn Dy Niên
Thứ trưởng Bộ Ngoại giao

THAY MẶT
NƯỚC RUMANI

CONVENŢIE CONSULARĂ
ÎNTRE REPUBLICA SOCIALISTĂ VIETNAM ŞI ROMÂNIA

Republica Socialistă Vietnam şi România, denumite în continuare Părţi Contractante,

Animate de dorinţa de a dezvolta şi întări, în continuare, legăturile prieteneşti, tradiţionale, între cele două ţări,

Reafirmând hotărârea de a aşeza la baza relaţiilor lor încrederea, cooperarea şi ajutorul reciproc, în conformitate cu principiile respectării independenţei, suveranităţii şi integrităţii teritoriale, al egalităţii în drepturi şi neamestecului în treburile interne,

Dorind să reglementeze şi să dezvolte relaţiile consulare între cele două state, pe baza respectării drepturilor şi libertăţilor fundamentale ale omului şi a angajamentelor internaţionale asumate,

Au hotărât să încheie prezenta Convenţie consulară, în care scop au convenit următoarele:

CAPITOLUL I

Articolul 1

Definiţii

1. În sensul prezentei Convenţii, expresiile de mai jos vor avea următorul înţeles:

a) "oficiu consular" înseamnă orice consulat general, consulat, viceconsulat sau agenţie consulară;

b) "circumscripţie consulară" înseamnă teritoriul atribuit unui oficiu consular pentru exercitarea funcţiilor consulare;

c) "şef de oficiu consular" înseamnă persoana însărcinată să acţioneze în această calitate;

d) "funcţionar consular" înseamnă orice persoană, inclusiv şeful oficiului consular, însărcinată să exercite funcţiile consulare;

e) "angajat consular" înseamnă orice persoană care face

parte din serviciul administrativ sau tehnic al oficiului consular;

f) "membru al personalului de serviciu" înseamnă orice persoană aparţinând serviciului casnic al unui oficiu consular;

g) "membru al oficiului consular" înseamnă funcţionarii consulari, angajaţii consulari şi membrii personalului de serviciu;

h) "membru al personalului particular" înseamnă persoana folosită în mod exclusiv în serviciul privat al unui membru al oficiului consular;

i) "membru de familie" înseamnă soţul sau soţia membrului oficiului consular precum şi copiii minori ai acestuia;

j) "membru al personalului consular" înseamnă funcţionarii consulari, alţii decât şeful oficiului consular, angajaţii consulari şi membrii personalului de serviciu;

k) "localuri consulare" înseamnă clădirile sau părţile de clădiri şi terenurile aferente, care, indiferent în a cui proprietate se află, sunt folosite exclusiv pentru scopurile oficiului consular;

l) "arhive consulare" înseamnă toate hârţiile, documentele, corespondenţa, cărţile, filmele, benzi magnetice, mijloacele tehnice folosite pentru culegerea şi utilizarea informaţiilor, registrele oficiului consular, precum şi materialul de cifru, codurile, fişierele şi mobilierul folosite pentru a le proteja şi conserva;

m) "navă" înseamnă orice mijloc civil de navigaţie, care are dreptul să arboreze drapelul statului trimiţător, potrivit legilor acestuia cu excepţia navelor militare;

n) "aeronavă" înseamnă orice aparat civil de zbor, înregistrat în statul trimiţător şi care are dreptul să folosească însemnele de înregistrare ale acestui stat, cu excepţia aparatelor militare.

2. Dispozițiile prezentei Convenții referitoare la cetățenii statului trimițător se aplică, în mod corespunzător, atunci când contextul o permite și persoanelor juridice care sunt constituite conform legislației statului trimițător și care își au sediul înregistrat în acest stat.

CAPITOLUL II
ÎNFIINȚAREA DE OFICII CONSULARE ȘI NUMIREA MEMBRILOR OFICIILOR CONSULARE

Articolul 2
Înființarea unui oficiu consular

1. Statul trimițător poate înființa un oficiu consular pe teritoriul statului de reședință numai cu consimțământul acestui stat.

2. Sediul oficiului consular, rangul și circumscripția sa consulară precum și numărul membrilor oficiului consular sunt stabilite de statul trimițător și sunt supuse aprobării statului de reședință. Statul trimițător poate aduce modificări ulterioare sediului oficiului consular, rangului sau circumscripției sale consulare precum și numărului membrilor oficiului numai cu consimțământul statului de reședință.

3. Consimțământul expres și prealabil al statului de reședință este, de asemenea, cerut pentru deschiderea unui birou situat în afara sediului unui oficiu consular existent.

Articolul 3
Numirea și admiterea șefului de oficiu consular

1. Statul trimițător va solicita, pe cale diplomatică, acordul prealabil al statului de reședință în vederea numirii șefului oficiului consular.

2. Sub rezerva prevederilor prezentei Convenții, modalitățile de numire și de admitere ale șefului oficiului consular sunt stabilite de legile, regulamentele și uzanțele statului trimițător, cu observarea legilor și uzanțelor statului de reședință.

Articolul 4
Eliberarea patentei consulare şi notificarea numirii şefului oficiului consular

1. Statul trimiţător eliberează şefului oficiului consular un document, sub formă de patentă consulară sau un document similar, întocmit pentru fiecare numire, atestând calitatea sa şi indicând, ca regulă generală, numele, prenumele şi clasa sa, precum şi circumscripţia consulară şi sediul oficiului consular.

2. Statul trimiţător transmite guvernului statului de reşedinţă, pe cale diplomatică, sau pe orice altă cale potrivită, patenta consulară sau documentul similar.

Articolul 5
Exequaturul

1. Şeful oficiului consular este admis să-şi exercite funcţiile printr-o autorizaţie a statului de reşedinţă, denumită exequatur, oricare ar fi forma acesteia.

2. Statul care refuză să elibereze exequaturul nu este obligat să comunice statului trimiţător motivele refuzului său.

3. Sub rezerva prevederilor articolelor 6 şi 8, şeful oficiului consular nu poate să-şi exercite funcţiilee sale înainte de primirea exequaturului.

Articolul 6
Admiterea provizorie a şefului oficiului consular

Până la eliberarea exequaturului, şeful oficiului consular poate fi admis de statul de reşedinţă, cu titlu provizoriu, să îşi exercite funcţiile sale. În acest caz, dispoziţiile prezentei Convenţii îi sunt aplicabile.

Articolul 7
Exercitarea cu titlu temporar a funcţiilor de şef al oficiului consular

1. Dacă şeful oficiului consular este împiedicat să-şi exercite funcţiile sau dacă postul este vacant, un gerant interimar poate acţiona, cu titlu provizoriu, în calitate de şef al oficiului consular.

2. Numele şi prenumele gerantului interimar sunt notificate ministerului afacerilor externe al statului de reşedinţă de către misiunea diplomatică a statului trimiţător sau, în lipsa unei misiuni diplomatice a acestui stat în statul de reşedinţă, de către şeful oficiului consular sau, în cazul în care acesta este împiedicat să o facă, de către orice autoritate competentă a statului trimiţător.

În general, această notificare trebuie făcută în prealabil.

Statul de reşedinţă poate condiţiona acordarea consimţământului său pentru admiterea ca gerant interimar a unei persoane de calitatea acesteia de agent diplomatic sau de funcţionar consular al statului trimiţător în statul de reşedinţă.

3. Autorităţile statului de reşedinţă trebuie să acorde asistenţă şi protecţie gerantului interimar. În perioada gerantei sale, prrevederile prezentei Convenţii îi sunt aplicabile în aceeaşi măsură ca şi şeful oficiului consular respectiv.

4. Dacă, în cazurile prevăzute la paragraful (1) al acestui articol, un membru al personalului diplomatic al misiunii diplomatice sau un reprezentant al ministerului afacerilor externe al statului trimiţător este numit de acest stat în calitate de gerant interimar acesta continuă să beneficieze de privilegiile şi imunităţile diplomatice.

Articolul 8
Notificarea către autorităţile din circumscripţia consulară

De îndată ce şeful oficiului consular a fost admis, chiar cu titlu provizoriu, să-şi exercite funcţiile, statul de reşedinţă este

obligat să informeze imediat autoritățile din circumscripția consulară și va lua măsurile necesare pentru ca acesta să-și poată îndeplini funcțiile și să beneficieze de prevederile prezentei Convenții.

Articolul 9
Cetățenia funcționarilor consulari

Funcționarii consulari de carieră pot fi numai cetățeni ai statului trimițător, care nu au domiciliul în statul de reședință.

Articolul 10
Exercitarea funcțiilor consulare într-un stat terț

După notificarea făcută statelor interesate și dacă nici unul dintre acestea nu se opune în mod expres, statul trimițător poate să încredințeze unui oficiu consular, înființat în statul de reședință, exercitarea funcțiilor consulare într-un alt stat.

Articolul 11
Exercitarea funcțiilor consulare pentru un stat terț

După notificarea corespunzătoare făcută statului de reședință și dacă acesta nu se opune, un oficiu consular al statului trimițător poate exercita, în statul de reședință, funcții consulare pentru un stat terț.

Articolul 12
Funcționarii consulari onorifici

În relațiile dintre ele, Părțile Contractante pot numi și primi funcționari consulari onorifici, aplicând, în ce-i privește, dispozițiile capitolului 3 din Convenția de la Viena, din 1963,

asupra relaţiilor consulare, şi, atunci când contextul o permite, prevederile prezentei Convenţii.

Funcţionarii consulari onorifici pot avea cetăţenia statului trimiţător, a statului de reşedinţă sau a unui stat terţ.

Articolul 13
Notificarea către statul de reşedinţă a numirilor, sosirilor şi plecărilor membrilor oficiului consular

Statul trimiţător va notifica, în scris, ministerului afacerilor externe al statului de reşedinţă:

a) numirea unui membru al oficiului consular, sosirea la post, plecarea sa definitivă sau încetarea exercitării funcţiilor sale, precum şi orice alte schimbări intervenite în statutul său în timpul serviciului la oficiul consular;

b) sosirea şi plecarea definitivă a unui membru de familie a membrului oficiului consular şi, dacă este cazul, faptul că o persoană devine sau încetează de a mai fi membru al familiei acestuia;

c) sosirea şi plecarea definitivă a unui membru ai personalului particular precum şi încetarea serviciului în această calitate;

d) numirea şi încetarea activităţii unui membru al oficiului consular sau a unui membru al personalului particular, care are domiciliul sau reşedinţa în statul de reşedinţă.

Articolul 14
Documentele de identitate

1. Autorităţile statului de reşedinţă vor elibera, în mod gratuit, fiecărui funcţionar consular un document care atestă identitatea şi calitatea sa, menţionând funcţia pe care o îndeplineşte la oficiul consular.

2. Prevederile paragrafului (1) al prezentului articol se aplică şi angajaţilor consulari, membrilor personalului de serviciu şi membrilor personalului particular, precum şi membrilor familiilor acestora, cu condiţia ca aceste persoane să nu fie cetăţeni ai statului de reşedinţă sau să nu domicilieze în acest stat.

Articolul 15

Încetarea funcţiilor unui membru al oficiului consular

1. Funcţiile unui membru al oficiului consular încetează, îndeosebi, prin:

a) notificarea încetării funcţiilor acestuia, făcută statului de reşedinţă de către statul trimiţător;

b) retragerea exequaturului;

c) notificarea statului de reşedinţă, făcută statului trimiţător, în sensul că acesta a încetat să mai considere persoana în cauză ca membru al oficiului consular.

2. Statul de reşedinţă poate în orice moment, şi fără a fi obligat să-şi motiveze decizia sa, să comunice statului trimiţător, pe cale diplomatică, că retrage exequaturul eliberat şefului oficiului consular sau că un alt funcţionar consular este declarat persona non grata ori că un alt membru al oficiului consular a devenit inacceptabil. Într-o asemenea situaţie, statul trimiţător va rechema persoana în cauză, dacă aceasta se află deja în exerciţiul funcţiunilor sale sau va retrage numirea, dacă acesta nu a sosit la post. Dacă statul trimiţător nu îndeplineşte această obligaţie într-un termen rezonabil, statul de reşedinţă poate înceta să mai considere persoana în cauză ca membru al oficiului consular.

CAPITOLUL III

FUNCŢII CONSULARE

Articolul 16

Scopul funcţiilor consulare

Funcţionarul consular favorizează, prin toate mijloacele legale, dezvoltarea relaţiilor economice, comerciale, culturale, ştiinţifice şi turistice între statul trimiţător şi statul de reşedinţă, promovează, în orice alt mod, relaţii prieteneşti între statul trimiţător şi statul de reşedinţă, apără şi protejează în statul de reşedinţă drepturile şi interesele statului trimiţător şi ale cetăţenilor săi.

Articolul 17
Comunicarea cu autoritățile statului de reședință

1. Funcționarul consular exercită funcțiile sale în cadrul circumscripției consulare. Totuși, în cazuri excepționale, el poate exercita funcțiile sale și în afara acestei circumscripții, cu consimțământul statului de reședință.

2. În exercitarea funcțiilor sale, funcționarul consular se poate adresa:

a) autorităților locale din circumscripția consulară;

b) autorităților centrale ale statului de reședință, în măsura în care acest lucru este permis de legile, regulamentele și uzanțele acestui stat precum și de acordurile internaționale.

Articolul 18
Reprezentarea pe lângă organizații internaționale

După notificarea făcută statului de reședință, funcționarul consular poate acționa și în calitate de reprezentant al statului trimițător pe lângă organizațiile internaționale care își au sediul în statul de reședință.

Articolul 19
Reprezentarea cetățenilor în fața tribunalelor statului de reședință

1. Funcționarul consular are dreptul, cu respectarea legilor și procedurilor în vigoare în statul de reședință, să reprezinte cetățenii statului trimițător ori să ia măsuri în scopul reprezentării corespunzătoare a acestora în fața tribunalelor sau a altor autorități ale statului de reședință. El poate cere, conform legilor și regulamentelor statului de reședință, adoptarea de măsuri provizorii în vederea apărării drepturilor și intereselor cetățenilor statului trimițător atunci când, datorită absenței lor sau din oricare altă cauză, ei nu-și pot apăra, în timp util, drepturile și interesele lor.

2. Reprezentarea la care se referă paragraful (1) al prezentului articol ia sfârşit în momentul în care persoana reprezentată îşi desemnează un mandatar ori îşi asigură personal apărarea drepturilor şi intereselor.

Articolul 20

Inregistrarea cetăţenilor, eliberarea de paşapoarte şi acordarea de vize

In conformitate cu legile statului trimiţător, funcţionarul consular are dreptul:

a) să înregistreze cetăţenii statului trimiţător;

b) să elibereze cetăţenilor statului trimiţător paşapoarte sau alte documente de călătorie, să facă modificări în acestea, să le reînnoiască, să le extindă valabilitatea, să le retragă ori să le anuleze;

c) să acorde vize persoanelor care călătoresc în statul trimiţător sau îl tranzitează.

Articolul 21

Funcţii referitoare la starea civilă

In conformitate cu legile statului trimiţător şi dacă nu se contravine legilor statului de reşedinţă, funcţionarul consular are dreptul:

1. Să încheie căsătorii. Oficiul consular va informa autorităţile statului de reşedinţă în legătură cu căsătoriile încheiate, dacă legile statului de reşedinţă prevăd aceasta.

2. Să înregistreze naşterile, căsătoriile şi decesele cetăţenilor statului trimiţător şi să elibereze documente corespunzătoare, ori să primească comunicări şi dovezi privind naşterile, căsătoriile sau decesele cetăţenilor acestui stat.

Totuşi, aceste prevederi nu dispensează cetăţenii statului trimiţător de obligaţia de a respecta legislaţia statului de reşedinţă în materie de înregistrarea naşterilor, căsătoriilor sau deceselor.

3. Autorităţile statului de reşedinţă vor pune la dispoziţia oficiului consular copiile şi extrasele documentelor de stare civilă privind pe cetăţenii statului trimiţător.

Articolul 22

Funcţii notariale

1. În conformitate cu prevederile legilor statului trimiţător şi ale statului de reşedinţă, funcţionarul consular are dreptul:

a) să primească, să întocmească şi să autentifice declaraţii ale cetăţenilor statului trimiţător;

b) să legalizeze contracte, cu excepţia celor care se referă la transmiterea proprietăţii asupra unui imobil, situat în statul de reşedinţă, încheiate între cetăţenii statului trimiţător sau între cetăţeni ai statului trimiţător şi cetăţeni ai altor state, dacă acestea urmează să producă efecte în statul trimiţător sau între cetăţenii acestuia;

c) să primească, să întocmească ori să autentifice testamente, făcute de cetăţenii statului trimiţător;

d) să legalizeze documentele, referitoare la cetăţenii statului trimiţător, eliberate de autorităţile acestui stat sau ale statului de reşedinţă, ori copii şi extrase de pe acestea.

2. Documentele menţionate la paragraful (1) al prezentului articol, întocmite, autentificate sau legalizate de funcţionarul consular au aceeaşi valoare juridică cu cele întocmite de autorităţile statului de reşedinţă, dacă aceasta nu contravine legilor şi regulamentelor acestui stat.

Articolul 23

Primirea în depozit

1. Funcţionarul consular are dreptul să primească în depozit documente, sume de bani şi obiecte de valoare încredinţate de cetăţenii statului trimiţător, dacă prin aceasta nu se contravine

legilor statului de reşedinţă.

2. Funcţionarul consular are, de asemenea, dreptul să primească, pentru a le transmite proprietarilor lor, obiectele pierdute de cetăţenii statului trimiţător în timpul sejurului lor în statul de reşedinţă.

Articolul 24
Tutela şi curatela

1. Autorităţile statului de reşedinţă informează oficiul consular ori de câte ori este necesar să se instituie tutela sau curatela pentru a proteja un cetăţean al statului trimiţător, minor sau care are capacitatea limitată de a contracta sau pentru a se asigura protecţia drepturilor şi intereselor acestuia în statul de reşedinţă şi pe care cetăţeanul statului trimiţător nu este în măsură să le administreze singur, indiferent de motive. Aceste măsuri nu trebuie să contravină legilor şi reglementărilor statului de reşedinţă în această materie.

2. Funcţionarul consular poate să informeze autorităţile competente ale statului de reşedinţă dacă are cunoştinţă de situaţiile menţionate la paragraful (1) şi el are dreptul să ia legătura cu persoana, care urmează să fie desemnată în calitate de tutor sau curator.

Articolul 25
Comunicarea şi legătura cu cetăţenii statului trimiţător

Funcţionarul consular are dreptul să comunice şi să ia legătura cu cetăţeanul statului trimiţător, să-i acorde asistenţă, să-l îndrume şi, în caz de nevoie, să-i asigure asistenţa juridică. Statul de reşedinţă nu va limita în nici un fel posibilităţile de comunicare şi de legătură ale cetăţenilor statului trimiţător cu oficiul lor consular şi nici accesul lor la acesta.

Articolul 26

Comunicarea cu cetăţenii privaţi de libertate

1. Funcţionarul consular va fi informat, cât mai curând posibil, dar nu mai târziu de 5 zile lucrătoare, de către autorităţile competente ale statului de reşedinţă în legătură cu arestarea, reţinerea preventivă sau despre oricare altă măsură care limitează dreptul la libertate personală a unui cetăţean al statului trimiţător din circumscripţia sa consulară.

2. Orice comunicare a cetăţeanului statului trimiţător, faţă de care s-a luat o măsură de limitare a libertăţii personale, adresată oficiului consular al statului trimiţător, va fi transmisă acestuia, fără întârziere, de către autorităţile statului de reşedinţă.

3. Funcţionarul consular are dreptul să-l viziteze şi să comunice cu cetăţeanul statului trimiţător, arestat sau care este supus oricărei alte forme de limitare a libertăţii personale ori care execută o pedeapsă privată de libertate şi, după caz, să îi acorde sprijin şi protecţie.

Dreptul la prima vizită şi de comunicare se acordă şi va putea fi exercitat cât mai curând posibil, fără a putea fi amânat după împlinirea termenului de 4 zile lucrătoare de la data informării oficiului consular despre luarea măsurii de privare sau de limitare sub orice formă a libertăţii personale.

Vizitele ulterioare pot fi permise la intervale rezonabile.

4. Autorităţile competente ale statului de reşedinţă vor informa cetăţenii în cauză despre posibilitatea lor de a comunica cu funcţionarul consular.

5. Vizitele şi comunicările menţionate la paragrafui (3) ai prezentului articol trebuie să aibă loc în conformitate cu prevederile legilor şi regulamentelor statului de reşedinţă, dar care nu trebuie să împiedice exercitarea acestui drept.

6. Funcţionarul consular trebuie să se abţină de a interveni în favoarea unui cetăţean al statului trimiţător, aflat în stare de detenţie, dacă acesta se opune.

7. Cetăţeanul statului trimiţător împotriva căruia s-a luat măsura privării de libertate are dreptul de a trimite scrisori sau altă corespondenţă şi de a primi pachete conţinând obiecte de uz personal, în limitele permise de legile şi regulamentele statului de reşedinţă.

8. În cazul în care autorităţile statului de reşedinţă, au pornit procesul penal sau au deschis o altă procedură împotriva cetăţeanului statului trimiţător, acestea, la cererea celui în cauză, vor informa pe funcţionarul consular al statului trimiţător asupra învinuirilor care le aduc cetăţeanului respectiv, data şi locul când a fost făcută judecata acestuia sau procedura care îi priveşte.

Funcţionarul consular are dreptul de a asista la proces sau la procedura respectivă.

Articolul 27
Accidente

Autorităţile competente ale statului de reşedinţă vor informa, imediat, oficiul consular în legătură cu toate accidentele grave de circulaţie ale cetăţenilor statului trimiţător. La cererea oficiului consular, acestea îi vor pune la dispoziţie documentele întocmite de organele competente în legătură cu evenimentele rutiere în care a fost implicat un cetăţean al statului trimiţător.

Articolul 28
Decesul unui cetăţean al statului trimiţător

Autorităţile statului de reşedinţă vor informa, fără întârziere, funcţionarul consular în legătură cu decesul unui cetăţean al statului trimiţător. La cererea oficiului consular, acestea îi vor trimite, gratuit, certificatul de deces ori o copie de pe documentele care confirmă decesul.

Articolul 29
Funcţii în materie de succesiuni

1. Autorităţile competente ale statului de reşedinţă informează, fără întârziere, oficiul consular în legătură cu deschiderea în acest stat a unei succesiuni, ca urmare a decesului unui cetăţean al statului trimiţător precum şi în legătură cu

deschiderea unei succesiuni, indiferent de cetăţenia persoanei decedate, la care poate fi interesat un cetăţean al statului trimiţător sau statul trimiţător însuşi, în calitate de moştenitori, titulari de drepturi sau legatari.

2. Autorităţile statului de reşedinţă vor lua măsurile necesare, prevăzute de legile şi regulamentele acestui stat, pentru conservarea succesiunii şi pentru a transmite funcţionarului consular copia testamentului, dacă acesta a fost întocmit, precum şi toate informaţiile de care dispun în legătură cu titularii de drepturi, cu domiciliul lor permanent sau temporar, cu valoarea şi componenţa masei succesorale, inclusiv cu privire la sumele provenite din asigurările sociale sau din alte venituri ori din poliţele de asigurare. Ele vor informa, de asemenea, asupra datei când urmează să se deschidă procedura succesorală sau despre stadiul acestei proceduri.

3. Funcţionarul consular este autorizat să reprezinte direct, fără procură, în faţa tribunalelor sau a altor autorităţi ale statului de reşedinţă, sau, indirect, prin intermediul unui reprezentant al său, pe cetăţenii statului trimiţător, care au dreptul sau care au pretenţii la o succesiune deschisă în statul de reşedinţă, dacă aceştia sunt absenţi sau nu au desemnat un mandatar legal al lor.

4. Funcţionarul consular are dreptul să solicite autorităţilor competente ale statului de reşedinţă:

a) să conserve succesiunea, să pună ori să ridice sigilii, să ia măsurile necesare conservării ei, inclusiv desemnarea unui administrator al succesiunii, precum şi să participe la aceste operaţii;

b) să procedeze la vânzarea bunurilor care fac parte din succesiune şi să comunice data fixată pentru această vânzare, astfel încât el să poată fi prezent.

5. Autorităţile statului de reşedinţă vor informa, fără întârziere, pe funcţionarul consular despre încheierea procedurii succesorale sau a celorlalte formalităţi oficiale legate de succesiune şi, după plata aferentă a datoriilor, taxelor şi a impozitelor, vor permite ca activele succesiunii sau bunurile personale ale persoanelor pe care le reprezintă să fie exportate beneficiarilor.

6. În cazul în care valoarea succesiunii nu este importantă, funcţionarul consular va putea cere ca bunurile succesorale să-i fie remise lui. În această situaţie el are dreptul de a le transmite persoanelor interesate.

7. Funcţionarul consular are dreptul să primească, în vederea transmiterii celor interesaţi, bunurile personale şi valorile aparţinând cetăţenilor statului trimiţător, care nu domiciliază în statul de reşedinţă, precum şi sumele care le revin acestora din indemnizaţiile de pensie, din drepturile de asigurări sociale, din salarii, din poliţele de asigurare sau din gratificaţii.

8. Dacă un cetăţean ai statului trimiţător, care nu are domiciliul permanent în statul de reşedinţă, a decedat în timpul unei şederi temporare în acest stat, bunurile sale trebuie conservate de autorităţile competente ale statului de reşedinţă şi apoi transmise, fără o procedură specială, funcţionarului consular ai statului trimiţător. Funcţionarul consular trebuie să acopere datoriile contractate de defunct în timpul şederii acestuia în statul de reşedinţă până la nivelul care să nu depăşească valoarea acestor bunuri.

9. Transferul bunurilor şi activelor din statul de reşedinţă se va putea face cu respectarea legislaţiei acestui stat.

Articolul 30
Asistenţa acordată navelor

1. Funcţionarul consular are dreptul să acorde orice fel de asistenţă, prevăzută în prezenta Convenţie, navelor statului trimiţător precum şi echipajelor acestor nave în timpul staţionării lor în apele teritoriale sau interioare ale statului de reşedinţă ori în porturi. El poate beneficia de dreptul de control şi de inspecţie asupra navelor acestui stat şi a echipajelor lor. În acest scop, el poate urca la bordul navelor statului trimiţător pentru a interoga pe comandant şi pe membrii echipajului navei.

2. Comandantul şi membrii echipajului au dreptul să fie vizitaţi de funcţionarul consular la bordul navei, să comunice cu el precum şi să viziteze oficiul consular, în conformitate cu legile statului de reşedinţă, în special cu legile şi reglementările

portuare şi cele care privesc trecerea frontierei.

3. În îndeplinirea funcţiilor privind nava statului trimiţător, pe comandantul sau echipajul ei, funcţionarul consular poate solicita asistenţă autorităţilor competente ale statului de reşedinţă.

Articolul 31
Dreptul funcţionarului consular privind nava şi echipajul

În ceea ce priveşte navele statului trimiţător, funcţionarul consular are dreptul:

a) fără a prejudicia drepturile autorităţilor statului de reşedinţă, să chestioneze pe comandantul navei sau pe oricare alt membru al echipajului, să viziteze nava, să verifice, să primească, să întocmească sau să semneze orice fel de certificate sau alte documente privind nava, să facă declaraţii referitoare la nava, încărcătura şi voiajul acesteia precum şi să elibereze documentele necesare facilitării intrării, şederii şi ieşirii navei;

b) să intervină în vederea rezolvării sau pentru găsirea de soluţii, conform legislaţiei statului trimiţător, a oricăror litigii între comandant şi ceilalţi membri ai echipajului, inclusiv în cazul litigiilor privind contractele de angajare şi condiţiile de muncă;

c) în conformitate cu legea statului trimiţător, să participe la instalarea sau concedierea comandantului şi a altor membri ai echipajului;

d) să ia măsurile necesare în vederea spitalizării şi repatrierii comandantului sau a oricărui alt membru al echipajului;

e) să acorde sprijin şi asistenţă comandantului navei sau oricărui alt membru al echipajului în faţa tribunalelor şi a altor autorităţi ale statului de reşedinţă;

f) să ia măsuri utile pentru asigurarea menţinerii disciplinei şi ordinii la bordul navei.

Articolul 32
Intervenţia autorităţilor statului de reşedinţă la bordul navei

1. În cazul în care un tribunal sau oricare altă autoritate a statului de reşedinţă are intenţia să aresteze ori să reţină la bordul navei statului trimiţător pe comandant, pe un alt membru al echipajului, pe un pasager al acestei nave sau pe o altă persoană care nu este cetăţean al statului de reşedinţă, să aplice sechestru pe un bun aflat la bord, ori să angajeze o anchetă oficială la bordul navei, trebuie să informeze, în prealabil, funcţionarul consular astfel încât el să poată asista la luarea oricăreia dintre aceste măsuri. Dacă, datorită urgenţei situaţiei, nu a fost posibil să fie informat funcţionarul consular sau dacă acesta nu a fost prezent la luarea măsurilor, autorităţile statului de reşedinţă vor informa, fără întârziere şi în mod complet, funcţionarul consular în legătură cu măsurile pe care le-a luat. Autorităţile competente ale statului de reşedinţă vor facilita vizita funcţionarului consular la persoana arestată sau reţinută, comunicarea lui cu aceasta şi vor asigura luarea măsurilor corespunzătoare, menite să protejeze interesele persoanei sau ale navei.

2. Prevederile paragrafului (1) ale prezentului articol se aplică, de asemenea, în cazul în care autorităţile statului de reşedinţă cer comandantului sau unui membru al echipajului navei statului trimiţător să coboare la ţărm pentru a răspunde unor întrebări în legătură cu nava statului trimiţător.

3. Cu excepţia cazurilor când funcţionarul consular ori comandantul navei statului trimiţător o cer, sau cu aprobarea acestora, autorităţile judiciare sau alte autorităţi ale statului de reşedinţă nu pot interveni în problemele interne ale navei statului trimiţător, privind relaţiile dintre membrii echipajului, raporturile de muncă şi alte activităţi de natură internă ale acesteia, cu condiţia să nu fie încălcate legile şi reglementările statului de reşedinţă referitoare la liniştea şi ordinea publică.

4. Prevederile paragrafului (1) ale prezentului articol nu se aplică în cazul controlului obişnuit, efectuat de autorităţile statului de reşedinţă în materie de paşapoarte, vamă, sănătate publică, poluarea apelor mării şi ocrotirea vieţii umane pe mare ori

în cazul oricărui alt demers întreprins la cererea sau cu consimţământul comandantului navei.

Articolul 33
Avaria sau naufragiul navei

1. Dacă o navă a statului trimiţător naufragiază, este avariată, eşuează, este aruncată la ţărm sau suferă orice alte stricăciuni în apele teritoriale sau interioare ale statului de reşedinţă, inclusiv în porturi, autorităţile acestui stat vor informa, fără întârziere, funcţionarul consular despre aceasta.

2. În cazurile arătate la paragraful (1) al prezentului articol, autorităţile statului de reşedinţă vor lua, conform legilor interne, măsurile necesare pentru a organiza salvarea şi protecţia navei, pasagerilor, echipajului, echipamentului navei, încărcăturii, proviziilor şi a altor obiecte aflate la bordul navei şi, de asemenea, pentru a evita orice prejudicii aduse bunurilor precum şi pentru a împiedica dezordini la bordul navei sau pentru a le elimina. Aceste măsuri vor fi luate, de asemenea, şi faţă de obiectele care fac parte din nava sau din încărcătura ei şi care au fost aruncate peste bord, informând pe funcţionarul consular despre măsurile luate. Aceste autorităţi vor ajuta pe funcţionarul consular pentru a putea lua el toate măsurile de înlăturare a urmărilor avariei, eşuării sau naufragiului.

3. În cazul în care proprietarul navei, comandantul acesteia sau orice altă persoană nu pot fi prezente sau nu pot lua măsurile necesare pentru conservarea, salvarea sau administrarea bunurilor sau mărfurilor de pe nava statului trimiţător, funcţionarul consular poate, în numele proprietarului, să ia măsurile pe care însuşi proprietarul navei sau al mărfurilor le-ar fi putut lua într-o astfel de situaţie ori să solicite autorităţilor statului de reşedinţă să ia ele aceste măsuri.

4. Funcţionarul consuiar poate, de asemenea, să ia măsurile prevăzute la paragraful (3) al prezentului articol şi atunci când un obiect, aparţinând unui cetăţean ai statului trimiţător, provenind de la bordul sau din încărcătura unei nave, indiferent de naţionalitatea ei, a fost adus într-un port sau găsit pe ţărm sau în apropierea ţărmului de pe o navă avariată, eşuată sau naufragiată.

Autoritățile statului de reședință vor informa, fără întârziere funcționarul consular despre existența unui asemenea obiect.

5. Funcționarul consular are dreptul să participe la ancheta deschisă pentru a determina cauzele avariei, eșuării sau naufragiului, conformându-se legilor și regulamentelor statului de reședință.

Articolul 34
Decesul sau dispariția unui membru al echipajului

1. Dacă comandantul sau oricare alt membru al echipajului unei nave a statului trimițător a decedat sau este dat dispărut în statul de reședință, la bordul navei sau pe uscat, comandantul sau înlocuitorul său precum și funcționarul consular al statului trimițător sunt singurii competenți să facă inventarul obiectelor, valorilor sau altor bunuri lăsate de defunct sau dispărut și să ia măsurile necesare conservării bunurilor sau transmiterea lor, în vederea lichidării succesiunii. Dacă defunctul sau dispărutul sunt cetățeni ai statului de reședință, comandantul sau înlocuitorul său va întocmi inventarul în momentul constatării decesului sau a dispariției și va remite o copie a inventarului autorităților statului de reședință, competente să efectueze demersurile necesare pentru conservarea bunurilor și, în caz de nevoie, pentru lichidarea succesiunii.

Aceste autorități vor informa oficiul consular al statului trimițător în legătură cu demersurile lor.

2. În cazul în care funcționarul consular exercită drepturile în materie succesorală, prevăzute la paragraful (1) al prezentului articol, ei trebuie să se conformeze legilor și regulamentelor statului de reședință.

Articolul 35
Aeronave civile

Prevederile articolelor 30, 31, 32, 33 și 34 ale prezentei Convenții se aplică, în mod corespunzător, și aeronavelor statului trimițător, cu condiția ca aceasta să nu contravină prevederilor

acordurilor bi sau multilaterale în domeniu, la care sunt părţi ambele state contractante.

Articolul 36
Drepturi şi taxe consulare

1. Oficiul consular poate încasa pe teritoriul statului de reşedinţă drepturi şi taxe pentru serviciile consulare efectuate conform legilor şi regulamentelor statului trimiţător.

2. Sumele încasate pentru serviciile consulare efectuate, menţionate la paragraful (1) al prezentului articol, sunt exceptate de la orice impozite şi taxe în statul de reşedinţă.

3. Statul de reşedinţă va permite oficiului consular să depună sumele rezultate din taxele consulare într-un cont bancar.

Articolul 37
Transmiterea actelor

Funcţionarul consular are dreptul să transmită acte judiciare sau extrajudiciare sau comisii rogatorii, conform cu acordurile internaţionale în vigoare între Părţile Contractante iar, în lipsa unor asemenea acorduri, într-un mod compatibil cu legile şi reglementările statului de reşedinţă. Acest drept nu poate fi exercitat decât faţă de cetăţenii statului trimiţător şi fără a aplica mijloace de constrângere.

Articolul 38
Alte funcţii consulare

Funcţionarul consular poate îndeplini orice alte funcţii consulare, cu care îl însărcinează statul trimiţător, dacă acestea nu sunt contrare legilor şi regulamentelor statului de reşedinţă sau dacă statul de reşedinţă nu se opune la îndeplinirea lor.

CAPITOLUL IV
FACILITĂŢI, PRIVILEGII ŞI IMUNITĂŢI

Articolul 39
Facilităţi acordate oficiului consular pentru activitatea sa

Statul de reşedinţă acordă oficiului consular orice înlesniri pentru exercitarea funcţiilor consulare şi ia măsurile necesare pentru ca membrii oficiului consular să-şi poată îndeplini însărcinările oficiale şi să beneficieze de imunităţile şi privilegiile prevăzute în prezenta Convenţie.

Articolul 40
Folosirea drapelului şi a stemei naţionale

1. Statul trimiţător are dreptul să folosească în statul de reşedinţă drapelul său naţional şi scutul cu stema de stat, conform prevederilor prezentului articol:

a) drapelul naţional al statului trimiţător poate fi arborat la clădirea destinată ca sediu al oficiului consular, la reşedinţa şefului oficiului consular precum şi pe mijloacele sale de transport, atunci când acestea sunt folosite în interes oficial;

b) scutul cu stema statului trimiţător şi denumirea oficiului consular, scrisă în limba statului trimiţător şi în cea a statului de reşedinţă, pot fi aşezate pe clădirea destinată ca sediu al oficiului consular şi pe reşedinţa şefului oficiului consular.

În exercitarea drepturilor acordate prin prezentul articol, se vor respecta legile, regulamentele şi uzanţele statului de reşedinţă.

Articolul 41
Localuri şi locuinţe

Statul de reşedinţă sprijină statul trimiţător ca în cadrul legilor şi reglementărilor sale, să-şi poată procura localurile necesare oficiului consular şi, în caz de nevoie, locuinţe convenabile pentru membrii oficiului consular.

Articolul 42
Facilităţi pentru procurarea de terenuri şi clădiri

1. Statul trimiţător are dreptul, în cadrul legilor şi reglementărilor statului de reşedinţă:

a) să procure clădiri sau părţi de clădiri, destinate birourilor oficiului consular, reşedinţei şefului oficiului consular sau locuinţelor celorlalţi membri ai oficiului consular;

b) să construiască sau să amenajeze, în aceleaşi scopuri, clădirile procurate;

c) să transfere dreptul de proprietate asupra clădirilor sau părţilor din clădiri astfel procurate sau construite.0

2. Dispoziţiile paragrafului (1) ale prezentului articol nu absolvă statul trimiţător de obligaţia de a respecta reglementările şi restricţiile în materie de construcţii, de urbanism, cele privitoare la protecţia ansamblurilor arhitectonice şi a monumentelor, aplicabile pe teritoriul unde se află amplasate clădirile sau părţile din clădiri destinate localurilor consulare.

Articolul 43
Inviolabilitatea localurilor consulare şi a reşedinţei şefului oficiului consular

1. Localurile consulare şi reşedinţa şefului oficiului consular sunt inviolabile. Autorităţile statului de reşedinţă nu pot pătrunde în acestea decât cu consimţământul şefului oficiului consular, al şefului misiunii diplomatice a statului trimiţător sau al persoanei desemnate de unul dintre aceştia.

2. Statul de reşedinţă are obligaţia specială de a lua toate măsurile necesare pentru a împiedica violarea sau deterioarea localurilor consulare şi pentru a împiedica tulburarea liniştii oficiului consular sau atingerea demnităţii sale.

Articolul 44
Scutirea de rechiziţii

Localurile consulare, reşedinţa şefului de oficiu consular şi locuinţele celorlalţi membri ai oficiului consular, mobilierul lor, bunurile oficiului consular ca şi mijloacele de transport nu pot face obiectul nici unei forme de rechiziţie pentru cazuri de utilitate publică sau apărare naţională.

Articolul 45
Scutirea fiscală a localurilor consulare

1. Localurile consulare şi reşedinţa şefului oficiului consular, pe care statul trimiţător sau o altă persoană, acţionând în numele acestui stat, le are în proprietate sau este locatar, sunt scutite de impozite şi taxele de orice fel, naţionale, regionale sau comunale, cu excepţia taxelor percepute ca remunerare pentru serviciile special prestate.

2. Scutirea fiscală prevăzută la paragraful (1) al prezentului articol nu se aplică impozitelor şi taxelor care, după legile şi regulamentele statului de reşedinţă, cad în sarcina persoanei care a contractat cu statul trimiţător sau a celei care a acţionat în numele acestui stat.

Articolul 46
Inviolabilitatea arhivelor şi
documentelor consulare

Arhivele şi documentele consulare sunt inviolabile în orice moment şi în orice loc s-ar afla.

Articolul 47
Libertatea de comunicare

1. Statul de reşedinţă permite şi protejează comunicarea liberă a oficiului consular pentru orice scopuri oficiale. Oficiul consular

poate folosi toate mijloacele de comunicaţie potrivite, inclusiv curierii diplomatici sau consulari, valiza diplomatică sau consulară şi mesaje în clar sau cifrate, pentru comunicarea cu guvernul, cu misiunile diplomatice şi cu celelalte oficii consulare ale statului trimiţător, oriunde s-ar găsi ele. Totuşi, oficiul consular nu poate instala şi utiliza un post de radioemisie decât cu consimţământul statului de reşedinţă.

2. Corespondenţa oficială a oficiului consular este inviolabilă.

Prin expresia "corespondenţă oficială" se înţelege întreaga corespondenţa referitoare la oficiul consular şi la funcţiile sale.

3. Valiza consulară nu poate fi deschisă sau reţinută.

4. Coletele, care constituie valiza consulară, trebuie să poarte semne exterioare vizibile ale caracterului lor şi nu pot conţine decât corespondenţă oficială, documente sau obiecte destinate exclusiv pentru folosinţa oficială.

5. Curierul consular trebuie să posede un document oficial, care să ateste calitatea sa şi să precizeze numărul de colete care constituie valiza consulară. Afară de cazul când statul de reşedinţă consimte la aceasta, el nu trebuie să fie nici cetăţean al statului de reşedinţă nici, cu excepţia când el este cetăţean al statului trimiţător, o persoană domiciliată în statul de reşedinţă. În exercitarea funcţiilor sale, curierul consular este protejat de statul de reşedinţă. El se bucură de inviolabilitatea persoanei sale şi nu poate fi supus nici unei forme de arestare, detenţiune sau oricărei alte forme de limitare a libertăţii sale personale.

6. Statul trimiţător şi oficiul consular al acestuia pot desemna curieri consulari provizorii, care pot beneficia de privilegii şi imunităţi conform paragrafului (5) al acestui articol până la predarea valizei consulare.

7. Valiza consulară poate fi încredinţată comandantului unei nave sau aeronave ale statului trimiţător, care urmează să sosească într-un loc de intrare autorizat în statul de reşedinţă. Acest comandant trebuie să poarte un document oficial, indicând numărul de colete care constituie valiza diplomatică, dar el nu este considerat curier consular. Printr-un aranjament cu autorităţile locale competente, oficiul consular poate trimite pe unul din membri săi să ia valiza consulară, în mod direct şi liber, de la comandantul navei

sau al aeronavei şi să predea o asemenea valiză consulară, în acelaşi mod.

Articolul 48
Protecţia funcţionarilor consulari

Statul de reşedinţă va trata pe funcţionarul consular cu respectul cuvenit şi va lua măsurile necesare pentru a împiedica orice atingere adusă persoanei, libertăţii şi demnităţii sale.

Articolul 49
Inviolabilitatea personală a
funcţionarului consular

Persoana funcţionarului consular este inviolabilă. Funcţionarul consular nu poate fi arestat, deţinut ori supus oricărei alte forme de limitare a libertăţii personale.

Articolul 50
Imunitatea de jurisdicţie a membrilor
oficiului consular

1. Funcţionarii consulari se bucură de imunitatea de jurisdicţie penală, civilă şi administrativă a statului de reşedinţă.

2. Angajaţii consulari şi membrii personalului de serviciu nu sunt supuşi jurisdicţiei penale, civile şi administrative a statului de reşedinţă pentru nici un act îndeplinit în exercitarea atribuţiilor lor oficiale.

3. Prevederile paragrafelor (1) şi (2) ale prezentului articol nu se aplică în caz de acţiune civilă:

a) care rezultă din încheierea unui contract, pe care membrii oficiului consular nu l-au făcut, în mod expres sau implicit, în numele statului trimiţător;

b) intentată de un terţ pentru pagubele rezultate dintr-un accident cauzat în statul de reşedinţă de un vehicul, o navă sau o aeronavă.

Articolul 51
Obligaţia de a depune ca martor

1. Funcţionarii consulari pot fi chemaţi să depună ca martori în faţa instanţelor judecătoreşti sau a altor autorităţi competente ale statului de reşedinţă. Totuşi, nici o măsură coercitivă sau o altă sancţiune nu va putea fi luată faţă de funcţionarii consulari.

2. Angajaţii consulari şi membrii personalului de serviciu pot fi invitaţi să depună ca martori în timpul desfăşurării unei proceduri judiciare, civile sau administrative. Angajaţii consulari sau membrii personalului de serviciu nu trebuie să refuze să facă declaraţii, dacă nu se află în situaţia prevăzută la paragraful (3) al prezentului articol.

3. membrii oficiului consular au dreptul să refuze să depună mărturie asupra oricăror probleme care au legătură cu exercitarea funcţiilor lor oficiale sau să prezinte corespondenţa şi documentele oficiale referitoare la acestea. Ei au, de asemenea, dreptul să refuze să depună mărturie în calitate de experţi asupra legislaţiei statului trimiţător.

4. Autoritatea care solicită unui membru al oficiului consular să depună mărturie trebuie să evite a împiedica pe acesta să îndeplinească funcţiile sale. Dacă este posibil, ea poate să obţină mărturia prin declaraţie verbală sau scrisă, luată la reşedinţa sa sau la oficiul consular.

Articolul 52
Renunţarea la imunităţi

1. Statul trimiţător poate renunţa la inviolabilitatea şi la imunitatea prevăzute în articolele 49, 50 şi 51. Această renunţare trebuie făcută întotdeauna expres şi comunicată în scris autorităţilor statului de reşedinţă.

2. Dacă un membru al oficiului consular angajează o procedură într-o materie în care ar beneficia de imunitatea de jurisdicţie, el nu poate invoca imunitatea de jurisdicţie faţă de nici o cerere reconvenţională, legată direct de cererea principală.

3. Renunţarea la imunitatea de jurisdicţie pentru o acţiune civilă sau administrativă nu este considerată ca renunţare la imunitatea în ceea ce priveşte măsurile de executare a hotărârii, pentru care este necesară o renunţare expresă.

Articolul 53
Scutirea de prestaţii personale

Statul de reşedinţă scuteşte pe membrii oficiului consular de orice prestaţii personale şi de orice sarcini de interes public, indiferent de caracterul lor, ca şi de alte obligaţii cum ar fi rechiziţiile şi încartiruirile militare.

Articolul 54
Scutirea de obligaţia de înmatriculare a străinilor

1. Membrii oficiului consular sunt scutiţi de toate obligaţiile prevăzute de legile şi regulamentele statului de reşedinţă în materie de înmatriculare a străinilor, de permise de şedere, precum şi de alte formalităţi cerute străinilor.

2. Totuşi, prevederile paragrafului (1) din prezentul articol nu se aplică membrilor personalului consular, care nu sunt angajaţi permanenţi ai statului trimiţător sau care exercită o activitate particulară cu caracter lucrativ în statul de reşedinţă şi nici unui membru al familiei acestora.

Articolul 55
Scutirea fiscală

1. Funcţionarii consulari şi angajaţii consulari sunt scutiţi de orice impozite şi taxe, personale sau reale, naţionale, regionale, municipale, impuse de statul de reşedinţă, cu excepţia:

a) impozitelor indirecte, încorporate în mod normal în preţul mărfurilor sau al serviciilor;

b) impozitelor şi taxelor pe bunuri imobile particulare, situate pe teritoriul statului de reşedinţă, sub rezerva dispoziţiilor articolului 45;

c) drepturilor de succesiune şi de mutaţie, percepute de către statul de reşedinţă, sub rezerva prevederilor articolului 60;

d) impozitelor şi taxelor pe orice fel de venituri particulare, care îşi au sursa în statul de reşedinţă;

e) drepturi percepute ca remunerare a serviciilor particular prestate;

f) taxelor de înregistrare, de grefă, de ipotecă şi de timbru, sub rezerva dispoziţiilor articolului 45.

2. Membrii personalului de serviciu sunt scutiţi de impozitele şi taxele pentru salariile primite pentru serviciile pe care le prestează, cu condiţia să nu fie cetăţeni ai statului de reşedinţă sau să nu aibă domiciliul în acest stat.

3. Membrii oficiului consular, care angajează persoane ale căror retribuţii sau salarii nu sunt scutite de impozitul pe venit în statul de reşedinţă, trebuie să respecte obligaţiile pe care legile şi reglementările acestui stat le impun în materie de percepere a impozitului pe venit.

Articolul 56

Scutirea de taxe şi control vamal

1. În conformitate cu legile şi regulamentele sale, statul de reşedinţă autorizează intrarea, ieşirea, scutirea de orice taxe vamale şi alte redevenţe conexe, altele decât cheltuielile de depozitare, de transport şi cheltuielile cu serviciile special prestate, pentru:

a) obiectele destinate folosinţei oficiale a oficiului consular;

b) obiectele destinate uzului personal al funcţionarilor consulari, inclusiv efectele destinate instalării lor.

Bunurile destinate uzului personal al funcţionarilor consulari nu trebuie să depăşească consumul lor obişnuit.

2. Angajaţii consulari beneficiază de privilegiile şi scutirile prevăzute la paragraful (1), litera (b) din prezentul articol în ceea ce priveşte obiectele importante cu ocazia primei lor instalări.

3. Funcţionarii consulari sunt scutiţi de controlul bagajelor lor personale, dacă nu există motive serioase să se presupună că acestea conţin obiecte care nu beneficiază de scutirile menţionate la paragraful (1), litera (b) din prezentul articol sau obiecte interzise la import sau export de legile statului de reşedinţă sau de regulamentele de carantină. Într-un asemenea caz, controlul nu se poate face decât în prezenţa funcţionarului consular sau a reprezentantului său autorizat.

Articolul 57
Scutirea de permise de muncă

1. Membrii oficiului consular sunt scutiţi, în ceea ce priveşte serviciile aduse statului trimiţător, de obligaţiile pe care legile şi regulamentele statului de reşedinţă le prevăd cu privire la permisele de muncă, necesare în cazul folosirii mâinii de lucru străine.

2. Membrii personalului particular ai funcţionarilor consulari şi angajaţilor consulari sunt scutiţi de obligaţiile menţionate la paragraful (1) din prezentul articol, dacă ei nu exercită nici o altă activitate particulară cu caracter lucrativ în statul de reşedinţă.

Articolul 58
Scutirea de regimul de asigurări sociale

1. Sub rezerva dispoziţiilor paragrafului (3) ale prezentului articol, membrii oficiului consular sunt scutiţi, în ceea ce priveşte serviciile aduse statului trimiţător, de dispoziţiile de securitate socială care pot fi în vigoare în statul de reşedinţă.

2. Scutirea prevăzută la paragraful (1) al prezentului articol se aplică şi membrilor personalului particular, care sunt în

serviciul exclusiv al membrilor oficiului consular, cu condiţia:

a) ca ei să nu fie cetăţeni ai statului de reşedinţă sau să nu aibă domiciliul în acest stat;

b) ca ei să nu fie supuşi dispoziţiilor de securitate socială, care sunt în vigoare în statul trimiţător sau într-un stat terţ.

3. Membrii oficiului consular care au în serviciul lor persoane cărora scutirea prevăzută la paragraful (2) al prezentului articol nu se aplică, trebuie să respecte obligaţiile pe care dispoziţiile de securitate socială ale statului de reşedinţă le impun celui care angajează.

4. Scutirea prevăzută la paragrafele (1) şi (2) ale prezentului articol nu exclude participarea voluntară la regimul de securitate socială al statului de reşedinţă, în măsura în care ea este admisă de acest stat.

Articolul 59

Dispoziţii speciale referitoare la activităţile particulare cu caracter lucrativ

1. Funcţionarii consulari de carieră nu vor exercita în statul de reşedinţă nici o activitate cu caracter profesional sau comercial, în profitul lor personal.

2. Privilegiile şi imunităţile prevăzute în prezenta Convenţie nu sunt acordate:

a) angajaţilor consulari şi membrilor personalului de serviciu, care exercită în statul de reşedinţă o activitate particulară cu caracter lucrativ;

b) membrilor de familie ai persoanei menţionate la paragraful (a) şi membrilor personalului său particular;

c) membrilor familiilor membrilor oficiului consular, care exercită ei înşişi în statul de reşedinţă o activitate particulară cu caracter lucrativ.

Articolul 60

Succesiunea unui membru decedat
al oficiului consular

În caz de deces al unui membru al oficiului consular în statul de reşedinţă, acesta:

a) va permite exportul bunurilor mobile ale defunctului, cu excepţia acelora care, în momentul decesului, sunt interzise la export de statul de reşedinţă;

b) nu va percepe taxe de succesiune sau de mutaţie asupra bunurilor mobile, a căror existenţă în statul de reşedinţă se datora exclusiv prezenţei în acest stat a defunctului în calitate de membru al oficiului consular.

Articolul 61

Libertatea de deplasare

Sub rezerva legilor şi a regulamentelor referitoare la zonele în care accesul este interzis sau reglementat din motive de securitate naţională, statul de reşedinţă asigură tuturor membrilor oficiului consular libertatea de deplasare şi de circulaţie pe teritoriul său.

Articolul 62

Asigurarea mijloacelor de circulaţie

Mijloacele de circulaţie, proprietatea statului trimiţător, destinate uzului oficiului consular sau cele care sunt proprietatea membrilor oficiului consular, trebuie să facă obiectul unei asigurări obligatorii.

Articolul 63

Asigurarea pentru daunele
provocate unei terţe părţi

Membrii oficiului consular trebuie să se conformeze tuturor

obligaţiilor impuse de legile şi regulamentele statului de reşedinţă în materie de asigurări pentru daunele produse unei terţe părţi, rezultate din utilizarea unui mijloc de transport.

Articolul 64

Prevederi aplicabile membrilor de familie

Prevederile articolelor 49, 50 alineat 1, 53, 54, 55, 56, 58, 60 şi 61 sunt, de asemenea, aplicabile în mod corespunzător, şi membrilor de familie ai unui membru al oficiului consular cu condiţia ca aceştia să nu fie cetăţeni ai statului de reşedinţă, să nu domicilieze în acest stat şi să nu exercite nici o activitate lucrativă.

Articolul 65

Începutul şi sfârşitul privilegiilor şi imunităţilor consulare

1. Membrii oficiului consular beneficiază de privilegiile şi imunităţile prevăzute în prezenta Convenţie de la intrarea pe teritoriul statului de reşedinţă pentru a ocupa postul său, iar dacă se găsesc deja pe acest teritoriu, din momentul intrării lor în funcţie la oficiul consular.

2. Membrii familiei unui membru al oficiului consular care locuiesc împreună cu acesta, precum şi membrii personalului său particular, beneficiază de privilegiile şi imunităţile prevăzute în prezenta Convenţie, începând cu una din datele următoare: aceea de când membrul respectiv al oficiului consular se bucură de privilegiile şi imunităţile conform paragrafului (1) al prezentului articol; aceea a intrării lor pe teritoriul statului de reşedinţă sau aceea la care ei au devenit membri ai acestei familii sau ai personalului particular respectiv.

3. Când funcţiile unui membru al postului consular iau sfârşit, privilegiile şi imunităţile sale precum şi acelea ale membrilor familiei sale, care locuiesc împreună cu el, sau ale membrilor personalului său particular încetează, în mod normal, la prima din datele următoare:

a) în momentul în care persoana în cauză părăseşte

teritoriul statului de reşedinţă;

b) la expirarea unui termen rezonabil care îi va fi fost acordat în acest scop.

În ceea ce priveşte persoanele menţionate la paragraful (2) al prezentului articol privilegiile şi imunităţile lor iau sfârşit din momentul când ele încetează să mai locuiască împreună sau să fie în serviciul unui membru al oficiului consular, cu rezerva, totuşi, că, dacă aceste persoane intenţionează să părăsească teritoriul statului de reşedinţă într-un termen rezonabil, privilegiile şi imunităţilor lor subzistă până în momentul plecării lor.

4. Totuşi, în ceea ce priveşte actele săvârşite de un funcţionar consular sau de un angajat consular în exercitarea funcţiilor lor oficiale, imunitatea de jurisdicţie subzistă fără limită de durată.

5. În caz de deces al unui membru al oficiului consular, membrii familiei sale, care locuiesc împreună cu ei, continuă să se bucure de privilegiile şi imunităţile de care beneficiază până la prima din datele următoare:

a) aceea la care ei părăsesc teritoriul statului de reşedinţă;

b) la expirarea unui termen rezonabil, care le va fi fost acordat în acest scop.

Articolul 66
Persoane care nu beneficiază de privilegii şi imunităţi

1. Membrii oficiului consular care sunt cetăţeni ai statului de reşedinţă sau au domiciliul în acest stat nu beneficiază de privilegiile şi imunităţile prevăzute în prezenta Convenţie, sub rezerva paragrafului (3) al articolului 51.

2. Totuşi, statul de reşedinţă trebuie să-şi exercite jurisdicţia asupra persoanelor menţionate la paragraful (1) al prezentului articol în aşa fel încât să nu împiedice, fără motiv şi sub nici o formă, exercitarea funcţiilor oficiului consular.

CAPITOLUL V
DISPOZIŢII GENERALE ŞI FINALE

Articolul 67
Respectarea legilor şi regulamentelor statului de reşedinţă

1. Persoanele care beneficiază de privilegiile şi imunităţile pe baza prezentei Convenţii, sunt obligate să respecte legile şi regulamentele statului de reşedinţă, fără a prejudicia privilegiile şi imunităţile lor. Ele au, de asemenea, datoria de a nu se amesteca în treburile interne ale statului de reşedinţă.

2. Localurile consulare nu vor fi utilizate în mod incompatibil cu exercitarea funcţiilor consulare.

3. Dispoziţiile paragrafului (2) ale prezentului articol nu exclud posibilitatea instalării într-o parte a clădirii în care se găsesc localurile oficiului consular, a birourilor altor organisme sau agenţii, cu condiţia ca localurile afectate acestor birouri să fie separate de acelea care sunt folosite de către oficiul consular.

În acest caz, aceste birouri nu sunt considerate, conform prezentei Convenţii, ca făcând parte din localurile consulare.

Articolul 68
Exercitarea funcţiilor consulare de către misiunea diplomatică

1. Dispoziţiile prezentei Convenţii se aplică, în mod corespunzător, şi în cazul în care funcţiile consulare sunt exercitate de misiunea diplomatică.

2. Numele şi prenumele membrilor misiunii diplomatice, afectaţi serviciului consular, vor fi notificate la ministerul afacerilor externe al statului de reşedinţă.

3. Membrii misiunii diplomatice, menţionaţi în paragraful (2) al prezentului articol, continuă să beneficieze de privilegiile şi imunităţile pe care le conferă statutul lor diplomatic.

Articolul 69

Ratificarea şi intrarea în vigoare

1. Prezenta Convenţie va fi supusă ratificării în conformitate cu procedurile constituţionale ale fiecăreia dintre Părţile Contractante şi va intra în vigoare în a 30-a zi de la data schimbului instrumentelor de ratificare.

2. Prezenta Convenţie va putea fi modificată, urmând ca acestea să fie aduse să fie convenite pe cale diplomatică.

Ele vor intra în vigoare începând cu a 30-a zi de la data la care Părţile Contractante îşi vor fi comunicat, reciproc, că au fost îndeplinite procedurile legale de ratificare, potrivit legilor lor.

3. Prezenta Convenţie se încheie pe o perioadă nedeterminată.

Fiecare Parte Contractantă poate denunţa prezenta Convenţie, în care scop va înştiinţa cealaltă Parte Contractantă, în scris, pe cale diplomatică. În acest caz, Convenţia îşi va înceta valabilitatea după 6 luni de la data primirii înştiinţării făcute potrivit prezentului articol.

Drept pentru care împuterniciţii Părţilor Contractante au semnat prezenta Convenţie şi au aplicat sigiliile lor.

Făcută la Hanoi la data de 8 iulie 1995 în două exemplare originale, în limbile vietnameză, română şi engleză. Textele în limba vietnameză şi română au aceeaşi valoare.

În cazul unor interpretări diferite, prevalează textul în limba engleză.

PENTRU REPUBLICA SOCIALISTĂ VIETNAM

PENTRU ROMÂNIA

CONSULAR CONVENTION

between

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

and

ROMANIA

*****

The Socialist Republic of Vietnam and Romania, hereinafter referred to as the contracting Parties,

Animated by the desire to develop and further strengthen the friendly and traditional relations between the two countries,

Reaffirming the determination to further develop their relations on basis of mutual confidence, co-operation and assistance, in accordance with principles of respect for political independence, sovereignty and territorial integrity, equality and non-interference in internal affairs of each other.

Wishing to regulate and promote the consular relations between the two States in accordance with the principle of respect for fundamental rights and freedoms of man as well as with the international agreements,

Have decided to conclude this Consular Convention and for this purpose have agreed upon the following:

PART I

DEFINITIONS

Article 1

Definitions

1) For the purpose of this Convention, the terms mentioned hereinafter shall have the following meanings:

a) " **consular post** " means any consulate-general, consulate, vice-consulate or consular agency;

b) " **consular district**" means the area assigned to a consular post for the exercise of consular functions;

c) " **head of a consular post** " means the person appointed to act in such capacity;

d) " **consular officer** " means any person, including the head of a consular post, who has been charged with the performance of consular functions in such capacity;

e) ." **consular employee** " means any person employed in the technical or administrative service of a consular post;

f) " **member of the service staff** " means any person employed in the domestic service of a consular post;

g) " **members of the consular post** " mean consular officers, consular employees and members of the service staff;

h) "**member of the private staff** " means an person who is employed exclusively in the private service of a member of the consular post;

i) " **member of the family** " means the husband (wife) as well as children who are minors of a member of the consular post;

j) "**members of the consular staff**" mean consular officers, other than the head of a consular post, consular employees and members of the service staff.

k) " **consular premises** " mean the buildings or parts of buildings and the land ancillary thereto, irrespective of ownership and used exclusively for the purpose of the consular post;

l) " **consular archives** " include all the papers, documents, correspondence, books, films, tapes, technical means applied to collect and use information, registers of the consular post together with the ciphers and codes, card indexes and articles of furniture used for their protection or safekeeping;

m) " **vessel** " means any civil ship of navigation, sailing under the flag of the sending State in accordance with the latter's laws; the term shall not, however, include any warship;

n) " **aircraft** " means any civil aircraft duly registered in the sending State and which has the right of using the registration marks of such State; this term shall not, however, include any military aircraft.

2. The provisions of the present Convention with reference to citizens of the sending State shall be applied, in a proper way, whenever

the context allows, to bodies corporate set up in compliance with the legislation of the sending State and which have their headquarters registered in such State.

PART II

ESTABLISHMENT OF CONSULAR POSTS AND APPOINTMENT OF MEMBERS OF CONSULAR POSTS

Article 2

Establishment of a consular post.

1. A consular post may be established in the territory of the receiving State only with that State's consent.

2) The seat of the consular post, its classification and the consular district as well as the number of members of the consular staff shall be determined by the sending State and are subject to the approval of the receiving State. Any subsequent change as regards to the seat of the consular post, its classification, its consular district and the number of members of the consular staff may be made only with the consent of the receiving State.

3) The prior express consent of the receiving State shall also be required for the opening of an office forming part of the existing consular post elsewhere than at the seat thereof.

Article 3

Appointment and admission of the head of a consular post

1) The sending State shall seek in advance through diplomatic channels the approval of the receiving State to the appointment of the head of a consular post.

2) Subject to the provisions of the present Convention, the formalities of the appointment and admission of the head of a consular post are determined by the laws, regulations and usages of the sending State, in compliance as well, with the laws, regulations and usages of the receiving State.

Article 4

Consular commission

1) The head of the consular post shall be provided by the sending State with a document, in the form of a consular commission or a similar document, made out for each appointment, certifying his capacity and specifying, as a general rule, his full name and rank as well as the consular district and the seat of the consular post.

2) The sending State shall transmit to the receiving State the commission or similar document through diplomatic channels or any other appropriate means.

Article 5

Exequatur

1) The head of the consular post may perform his functions upon an authorisation granted by the receiving State, named exequatur, irrespective of the form of such authorisation.

2) The receiving State refusing to grant an exequatur shall not be obliged to give to the sending State reasons for such refusal.

3) Subject to the provisions of articles 6 and 8 of this Convention, the head of a consular post shall not enter into his function unless having received such exequatur.

Article 6

Provisional admission of the head of a consular post

Pending the grant of the exequatur, the receiving State may allow the head of a consular post to perform his functions on a provisional basis. In that case, the provisions of the present Convention shall be applied.

Article 7

Temporary charge

1) If the head of a consular post is unable to perform his functions or if the position of the head of the consular post is vacant,

an acting head of the consular post may act provisionally as head of the consular post.

2) The full name of the acting head of the consular post shall be notified to the Ministry of Foreign Affairs of the receiving State by the diplomatic mission of the sending State or, in default of that diplomatic mission in the receiving State, by the head of the consular post or, if he is unable to do it, by any other competent authorities of the sending State. As a general rule, such notification shall be made in advance. The receiving State may make the admission as acting head of the consular post subject to the condition that such person should be a diplomatic agent or a consular officer of the sending State in the receiving State.

3) The competent authorities of the receiving State shall grant assistance and protection to the acting head of the cosular post. In the period of such temporary charge, the provisions of this Convention shall fully apply to the acting head of the consular post as to the head of the respective consular post.

4) If, under the circumstances provided for in paragraph 1 of this Article, a member of the diplomatic staff of the diplomatic mission or a representative of the Ministry of Foreign Affairs of the sending State appointed by such State as an acting head of the consular post, he shall enjoy diplomatic privileges and immunities.

Article 8

Notification to the competent authorities in the consular district

As soon as the head of a consular post has been admitted, even on a temporary basis, to perform his functions, the receiving State shall immediately inform the competent authorities of the consular district and shall take appropriate measures in order to enable him to fulfill the duties of his mission and to be granted the treatment specified in the present Convention.

Article 9

Citizenship of consular officers

The career consular officers shall be only nationals of the sending State and not permanent residents in the receiving State.

Article 10

Performance of consular functions in a third State

The sending State may, after notification duly made to the States concerned, entrust a consular post established in the receiving State, with the performance of consular functions in another State, unless there is express objection by one of the States concerned.

Article 11

Performance of consular functions on behalf of a third State

Upon appropriate notification to the receiving State, a consular post of the sending State may, unless the receiving State objects, exercise consular functions in the receiving State on behalf of a third State.

Article 12

Honorary consular officers

Each contracting Party may appoint or receive honorary consular officers within bilateral relations and in such a case, the provisions of Chapter III of the Vienna Convention on Consular Relations and the provisions of this Convention, when the context allows, shall apply to such honorary consular officers.

Honorary consular officers may be nationals of the sending State, the receiving State or a third State.

Article 13

Notification to the receiving State of appointments, arrivals and departures

The Ministry of Foreign Affairs of the receiving State shall be notified of:

a) the appointment of members of a consular post, their arrival at the post, their final departure or the termination of their functions as well as any other changes affecting their status that may occur in the course of their service with the consular post;

b) the arrival and final departure of a person belonging to the family of a member of a consular post and, where appropriate, the fact that a person becomes or ceases to be such a member of the family;

c) the arrival and final departure of a member of the private staff as well as the termination of his service as such;

d) the employment and discharge of a member of the consular post or of a member of the private staff, who has his permanent or temporary residence in the receiving State.

Article 14

Identity Documents

1) The competent authorities of the receiving State shall issue, free of charge, to each consular officer an appropriate document indicating his full name, date of birth and his rank.

2) The provisions of paragraph 1 of this Article shall also apply to consular employees, members of the service staff, members of the private staff and members of their families, provided that the persons concerned are neither nationals of the receiving State nor residents in that State.

Article 15

Termination of the functions of a member of a consular post

1) The functions of a member of a consular post shall come to an end, inter alia:

a) on notification sent by the sending State to the receiving State that his functions have to come to an end;

b) on withdrawal of the exequatur;

c) on notification sent by the receiving State to the sending State that the receiving State has ceased to consider him as a member of the consular post.

2) The receiving State may, at any time and without having to substantiate its decision, notify the sending State, through diplomatic channels, that the exequatur granted to the head of a consular post has been withdrawn or that a particular consular officer has been declared "persona non grata" or that an other member of the consular post is

unacceptable. In such a case, the sending State shall either recall the person concerned or withdraw the appointment. If the sending State fails to carry out this obligation within a reasonable period, the receiving State may give up to consider the person concerned as a member of the consular post.

PART III

CONSULAR FUNCTIONS

Article 16

Purpose of consular service

A consular officer shall contribute to promoting, under any legitimate forms, the development of economic, commercial, cultural and scientific relations as well as of tourism between the sending State and the receiving State; further developing, in any other way, the friendly relationship between the sending State and the receiving State and safeguarding the rights and interests of the sending State and of its citizens.

Article 17

Communication with the authorities of the receiving State

1) A consular officer shall perform his functions within the consular district. However, in exceptional cases, he may carry out his functions outside this consular district, subject to the approval of the receiving State.

2) In the performance of his functions, a consular officer shall be entitled to address:

a) the competent local authorities in his consular district;

b) the competent central authorities of the receiving State, to the extent that the laws, regulations and usages of the receiving State as well as the international conventions permit.

Article 18

Representation in international organisations

A consular officer may act, after notification duly sent to the receiving State, in the capacity of representative of the sending State in international organisations accredited in the territory of the receiving State.

Article 19

Representation for nationals before courts of the receiving State

1) Subject to the laws and procedures in force in the receiving State, a consular officer shall be entitled to represent the nationals of the sending State or to take the proper steps to represent them before the courts or other authorities of the receiving State, in order to request, in accordance with the laws and regulations of the receiving State, provisional measures to be taken for the purpose of preserving the rights and interests of any national in case where, because of absence or any other reason, he is unable to assume at the proper time the defence of his rights and interests.

2) The representation to which refers paragraph 1 of this Article shall come to an end when the person so represented appoints his Attorney-in-Fact or assumes to defend himself his rights and interests.

Article 20

Registration of nationals; issuance of passports and visas

In accordance with the laws of the sending State, a consular officer shall be entitled:

a) to register nationals of the sending State;

b) to issue passports and visas or other travel documents to nationals of the sending State; to renew, amend, extend, revoke, withdraw and withhold such passports and documents;

c) to issue, extend and revoke visas or appropriate documents to persons wishing to travel to the sending State.

Article 21

Functions relating to civil status

In accordance with the laws of the sending State and the receiving State, a consular officer shall be entitled:

1) To solemnize marriages. The consular post shall notify the competent authorities of the receiving State of the marriages concluded, if so requires the legislation of the receiving State.

2) To register births, marriages, deaths; to receive or certify documents relating to births, marriages or deaths of nationals of the sending State and to issue proper documents. This provision, however, does not exonerate the nationals of the sending State of their obligation to observe the laws of the receiving State, concerning the registration of births, marriages and deaths.

4) The competent authorities of the receiving State shall submit to the consular post, for official purposes, upon its request, the copies and extracts of documents of civil status relating to nationals of the sending State.

Article 22

Notarial functions and legalization

1) In accordance with the laws and regulations in force of the receiving State and the sending State, a consular officer shall be entitled:

a) to receive, draw up, certify declarations of nationals of the sending State;

b) to authenticate contracts, except those transferring immovable property's ownership in the receiving State among nationals of the sending State or between nationals of the sending State and nationals of other countries, if these contracts is to be undertaken in the sending State or by its nationals;

c) to receive, draw up, certify testaments made by nationals of the sending State;

d) to certify or legalize documents, materials made by nationals of the sending State, the competent authorities of the sending State and the receiving State; to certify the copies and extracts of such documents and materials;

2) The documents mentioned in paragraph 1 of this Article, which are drawn up, certified, authenticated or legalized by the consular officer, shall be considered as having the same validity as those drawn up by the competent authorities of the receiving State if they do not run counter to the laws and regulations of that State.

Article 23

Receipt under custody

1) A consular officer is entitled to receive at the request of nationals of the sending State under custodial deposit documents, amounts of money and valuables unless it is inconsistent with the legislation of the receiving State.

2) A consular officer is also entitled to receive, in order to remit to their owner, objects lost by nationals of the sending State during their stay in the receiving State.

Article 24

Guardianship and trusteeship

1) The competent authorities of the receiving State shall notify the consular post of the necessity of placing under guardianship or trusteeship any nationals of the sending State, who are minors or persons lacking full capacity in order to safeguard their legal rights and interests. Such placement shall, however, be without prejudice to the laws and regulations of the receiving State concerning these matters.

2) Subject to the purposes referred to in the paragraph 1 of this Article, a consular officer may communicate with the competent authorities of the receiving State and contact with the person appointed to act in the capacity of guardian or trustee.

Article 25

Communication and contact with nationals of the sending State

A consular officer shall be entitled to communicate and contact with any national of the sending State, to give him assistance and advice and, if necessary, to provide him with the legal assistance. The receiving State shall not limit in any way the possibilities of communication of the

nationals of the sending State with consular post and there shall not be any limitations of accessing to such consular post.

Article 26

Communication with nationals deprived of freedom

1) A consular officer shall be timely informed but not later than five working days by the competent authorities of the receiving State of the arrest, detention or any other measures involving restraint of personal freedom which might affect a national of the sending State in the consular district.

2) Any message of the detained national of the sending State to the consular post shall be forwarded by the authorities of the receiving State without delay to the consular post.

3) A consular officer shall have a right to visit and communicate with the national of the sending State who is arrested, subject to any other forms involving limitation of his personal freedom or who is committed to imprisonment and, as the case may be, to grant him assistance in order to ensure the protection. The first visit shall be permitted as soon as possible but, in any case, not later than four working days from the date the consular post was informed of the detention. Subsequent visits shall be permitted at reasonable intervals.

4) The competent authorities of the receiving State shall inform the persons concerned of their rights to communicate with the consular officer.

5) The visits and communications mentioned in paragraphs 3 and 4 hereinabove shall take place in conformity with the laws and regulations of the receiving State. It is understood that such laws and regulations should not prevent the exercise of the consular functions.

6) Consular officers shall refrain from taking action on behalf of a detained national of the sending State if the national concerned expressly opposes such action.

7) A detained national shall be entitled to receive and to send letters and other correspondence and to receive parcels containing articles for personal use within the limits imposed by the laws and regulations of the receiving State.

8) In the case of a trial of or other proceedings against a national of the sending State in the receiving State, the receiving State, at the request of that person, shall inform a consular officer of the

sending State, of the charges against such a person and of the time, date and place set for the trial or other proceedings. A consular officer shall be entitled to attend the trial or other proceedings against such a person.

Article 27

Accidents

The competent authorities of the receiving State shall immediately inform the consular post of any serious accidents happened to nationals of the sending State. Upon the request of the consular post, such authorities shall make available to the consular post the documents drawn up by the competent authorities, relating to the accident in which a national of the sending State has been involved.

Article 28

Death of a national of the sending State

The competent authorities of the receiving State shall inform, without delay, the consular officer of death of a national of the sending State. Upon the request of the consular post, such authorities shall make available, on a free-of-charge basis, a Certificate of Death or a copy of another document certifying the death.

Article 29

Functions related to estates

1) The competent authorities of the receiving State shall inform in time the consular officer of the opening in such State of any deceased estate proceedings resulting from the death of a national of the sending State, as well as of the opening of a deceased estate proceeding, irrespective of the nationality of the deceased, in which nationals or the State itself might be interested in the capacity of heir, holder of rights of legatee.

2) The competent authorities of the receiving State shall take necessary measures provided for by the laws and regulations of such State in order to protect the deceased estate and to provide the consular officer with a copy of the will, if the latter has been drawn up, as well as all information which is available to them, relating to the holders of rights, their permanent or temporary residence, the value and the structure of the deceased estate, including the amounts resulting from social insurances, income, insurance policies. These authorities shall also notify the date of

the opening of the deceased estate proceedings or the process of such proceedings.

3) A consular officer shall be authorized without letter of procuration to represent before the courts or any other competent authorities of the receiving State any national of the sending State who is entitled to a deceased estate or who has a claim on to a deceased estate in the receiving State, should such heir be absent or should he have not appointed another Attorney-in-Fact.

4) A consular officer shall be entitled to request the competent authorities of the receiving State :

a) to preserve the estate, to affix or remove seals, to take measures in view of the preservation of the estate, including the appointment of a trustee in charge of the deceased estate, as well as the engagement in such measures.

b) to sell the assets belonging to the estate of a deceased person and to notify the appointed date for that sale so as he could attend such sale.

5) Upon the conclusion of the deceased estate proceedings or of any other official formalities connected thereto, the competent authorities of the receiving State shall timely notify the consular officer and after the settlement of the debts, charges and taxes, shall allow to transfer the inheritance or the private portions to the persons interested.

6) In case the value of the estate of the deceased person is unimportant, the consular officer shall be entitled to receive the hereditaments and transfer them to the persons concerned.

7) A consular officer shall have the right: to receive and transfer to the nationals of the sending Sate who are not domiciled in the receiving State the private portions and the legacies which are due to them; to receive the amounts of money which are due to the persons concerned as indemnity, pension, social insurance pension, arrears of wages, of insurance policies and other awards.

8) If a national of the sending State, who is not resident in the receiving State, has died during a temporary stay in such State, then, in such a case, his assets should be protected by the competent authorities of the receiving State and thereafter sent, without any special procedure, to the consular officer of the sending State. The consular officer shall have to cover the debts entered into by the deceased person during his stay in the receiving State up to a certain level which should not overpass the value of such assets.

9) The transfer of inheritances from the receiving State refered to in this Article shall be conducted in comformity with the laws and regulations of the receiving State.

Article 30

Functions relating to vessels of the sending State

1) A consular officer shall be entitled to render any kind of assistance provided for in this Convention to vessels of the sending State as well as to the crew of such vessels during their stay within the territorial or internal waters of the receiving State, including in harbours. He may also have the right of control and supervision of the vessels of such State and the crew thereof. For this purpose, he shall be entitled to proceed on board a vessel of the sending State in order to interview the master and members of the crew.

2) The master and members of the crew shall be entitled to meet and communicate with the consular officer on the vessel and to access the consular post in accordance with the laws and regulations of the receiving State, in particular the regulations of the port and the laws and regulations relating to border crossing.

3) In view of the fulfillment of all deeds relating to the vessel of the sending State, to the master or the members of the crew, a consular officer shall be entitled to request the assistance of the competent authorities of the receiving State.

Article 31

Rights of consular officers relating to the vessel and its crew

Provided that the following acts are not contrary to the laws and regulations of the receiving State, a consular officer shall be entitled:

a) to investigate any incident which occurs aboard the vessel of the sending State; to interview the master or any other member of the crew; to visit the vessel; to receive, to verify, to draw up or sign any kind of certificates or any other documents relating to the vessel; to take statements with reference to the vessel, its cargo or voyage as well as to issue the documents which are requisite to facilitate the entry into, the stay in and the departure of the vessels;

b) In accordance with the legislation of the sending State, to settle or to facilitate the settlement of disputes arisen between the

master and other members of the crew, including disputes relating to Labour Contracts and working conditions;

c) to take steps connected with the recruitment or the replacement of the master and of the other members of the crew; .

d) to take necessary measures in view of ensuring the medical treatment and the repatriation of the master or of any other member of the crew;

e) to provide support and assistance to the master or to any other member of the crew in their relations with Courts and other authorities of the receiving State;

f) to take all the measures which may be useful in order to safeguard the discipline and order on board the vessel.

Article 32

Intervention by the authorities of the receiving State on board vessels

1) In case a Court or any other competent authority of the receiving State intends to arrest or retain on board a vessel of the sending State the master, any other member of the crew, any passenger of such the vessel or any other person who is not a national of the receiving State, to levy a distraint on any asset which is on board, or to proceed to an official inquiry on board, then, the competent authorities of the receiving State shall notify in advance the consular officer so that the latter could be able to attend the enforcement of such measures. However, if, due to the urgent nature of the matter, it was impossible to so notify the consular officer or if no consular officer was present to the enforcement of the measures, the authorities of the receiving State shall timely and fully notify the consular officer of the measures undertaken. The competent authorities of the receiving State shall facilitate the consular officer to visit person arrested or detained, as well as the communication with that person and the proper measures meant to safeguard the interests of the person or of the vessel concerned.

2) The provisions of paragraph 1 of this Article shall also apply if the competent authorities of the receiving State summon the master or member of the crew of a vessel of the sending State to answer questions onshore on matters affecting the vessel.

3) Except at the request or with the permission of the consular officer or of the master of the vessel of the sending State, the judicial

or other competent authorities of the receiving State shall not interfere in domestic matters on board a vessel, related to questions of relations among the members of the crew, labour relations, discipline on board and other activities of an internal character relating to the vessel provided that the laws and regulations relating to the peace and safety of the receiving State are not violated.

4) The provisions of paragraph 1 of this Article shall not apply in case of an usual control undertaken by the authorities of the receiving State in matters of passports, customs, public health, sea pollution and safeguarding of human life at sea, or, in case of any other approach made at the request or with the approval of the master.

Article 33

Functions relating to damage or shipwreck

1) If a vessel of the sending State is wrecked, damaged, stranded or run aground or if any other accident occurs to such vessel within the territorial or internal waters of the receiving State, including in harbours, the competent authorities of such State shall notify in time the consular officer in connection therewith.

2) In the cases enumerated under paragraph 1 of this Article, the competent authorities of the receiving State shall take, in compliance with the laws of the receiving State, necessary measures in order to arrange for the rescue and protection of the vessel, the passengers, the crew, the equipment of the vessel, the cargo, supplies as well as the other items which are on board, and also, in order to avoid any prejudice caused to the property by any disorder on board, or in order to eliminate them. Such measures shall also be taken with respect to the items belonging to the vessel or to its cargo, which have been thrown overboard. The authorities of the receiving State shall notify the consular officer of the measures so taken. These authorities shall assist the consular officer in order to enable him to take all measures in pursuance of the damage, stranding or shipwreck.

3) If the owner of a vessel of the sending State, the master or other authorized person is not in a position to undertake the necessary measures for safeguarding, salvaging or disposing the vessel's assets and its cargo, the consular officer of the sending State, on behalf of the owner, shall either undertake those measures which the owner of the vessel or the cargo would undertake to the same purpose in such a case, or request the competent authorities of the receiving State to undertake those measures.

4) A consular officer may also undertake the measures provided for

in paragraph 3 of this Article in connection with any object belonging to any national of the sending State and originates from a vessel, or from the cargo of a vessel, brought in a harbour or found on the shore or near the shore, or on the damaged, stranded or wrecked vessel. The competent authorities of the receiving State shall timely notify the consular officer of the object's finding.

5) In compliance with the laws and regulations of the receiving State, a consular officer shall be entitled to take part in the investigation into the causes of such damage, stranding or shipwreck.

Article 34

Functions relating to the death or disappearance of a member of the crew

1) If the master or any other member of the crew of a vessel of the sending State dies or disappears in the receiving State on board the vessel or ashore, the master or his substitute as well as the consular officer of the sending State are the persons competent to make an inventory of the objects, valuables or other assets left by the deceased or the disappeared person and to proceed to the other approaches which are necessary for the preservation of the goods and settlement of the estate. However, if the deceased or disappeared person is a national of the receiving State, the master or his substitute shall draw up the inventory upon the ascertaining of the death or of the disappearance. A copy of such inventory shall be remitted to the authorities of the receiving State, which are competent to effect any approaches which might be necessary for the preservation of the goods and, if necessary, for the settlement of the estate. These authorities shall inform the consular post of their approaches.

2) If a consular officer performs his rights in matters of estates, as provided for under paragraph 1 of this Article, he shall act in accordance with the laws and regulations of the receiving State.

Article 35

Functions relating to aircraft

Articles 30, 31, 32, 33 and 34 of the present Convention shall apply in a proper way to civil aircrafts of the sending State, provided that their application should not be inconsistent with the provisions of bilateral or multilateral Conventions, which the contracting parties have signed or acceded to.

Article 36

Consular charges and fees

1) The consular post shall be entitled to levy, within the territory of the receiving State, charges and fees in respect of the consular services effected, in accordance with the laws and regulations of the sending State.

2) The amounts so charged for the consular services effected, as mentioned in paragraph 1 of this Article, shall be exonerated of any taxes and charges within the receiving State.

3) The receiving State shall allow the consular post to deposit the amounts so charged to its official banking account.

Article 37

Transmission of documents

A consular officer shall be entitled to receive and transmit judicial or extrajudicial documents, to take evidence for the Courts of the sending State in accordance with the international agreements in force between the contracting parties, and in default of such agreements, in a way which is consistent with the laws and regulations in force of the receiving State. Such rights shall be exercised only with reference to the nationals of the sending State and without applying any means of coercion whatsoever.

Article 38

Other consular functions

A consular officer shall be authorized to perform other consular functions which the sending State has entrusted with him, unless such functions are in contradiction with the laws and regulations of the receiving State or the receiving State objects the performance thereof.

PART IV

FACILITIES, PRIVILEGES AND IMMUNITIES

Article 39

Facilities for activities of the consular post

The receiving State shall grant the consular post any facilities for the exercise of the consular functions and shall take necessary measures in order to enable members of a consular post to carry out their official functions and to benefit the privileges and immunities provided for in this Convention.

Article 40

Use of the national flag and coat-of-arms

1) The sending State shall have the right to use its national flag and coat-of-arms in the receiving State, in conformity with the provisions of this Article.

2) The national flag of the sending State may be flown at the building assigned to the consular post, at the residence of the head of the consular post as well as on the means of transport used by him for official purposes.

3) The coat-of-arms of the sending State together with an appropriate inscription in the languages of the sending State and the receiving State, may be affixed to the consular post as well as to the residence of the head of the consular post.

4) In the exercise of the right accorded under this Article, respect shall be paid to the laws, regulations and usages of the receiving State.

Article 41

Premises and houses

The receiving State shall, in accordance with its own laws and regulations in force, assist the sending State in obtaining the premises which are necessary for activities of the consular post and in case of need, appropriate houses for the members of the consular post.

Article 42

Facilities for acquiring land and buildings

1) In conformity with the laws and regulations of the receiving State, the sending State shall have the right:

a) to acquire buildings or parts of buildings for the purpose of consular premises or the residence of the head of the consular post or the other members of the consular post;

b) to construct or upgrade buildings for the said purposes;

c) to transfer the title of the right to use the buildings or parts of buildings so acquired or built.

2) The provisions of paragraph 1 of this Article shall not exempt the sending State from observance of any regulations and restrictions relative to building, town planning, protection of architectural sites and monuments, applicable to the area where the buildings or parts of buildings are situated.

Article 43

Inviolability of consular premises and of the residence of consular officers

1) The consular premises as well as the residence of consular officers shall be inviolable. The authorities of the receiving State shall not enter the consular premises and residences of consular officers except with the consent of the head of the consular post of the sending State, of the head of the diplomatic mission of that State or of a person nominated by one of them.

2) The receiving State shall have the special obligation to take all necessary measures in order to prevent forcible entry or damage to the consular premises as well as any act involving disturbance or detriment to the dignity of the consular post.

Article 44

Exemption from requisition

The consular premises, the residence of the head of a consular post as well as of the members of the consular post, their furniture, assets of the consular post and also its transport means shall be immune from any form of requisition for purposes of national defence or public utility.

Article 45

Exemption from taxation of consular premises

1) The consular premises and the residence of the head of the consular post, whereto the sending State or any person acting on behalf of such State is the owner or the tenant, shall be exempt from any kind of taxes and dues, either national, regional or municipal, expect those which represent payment for the services rendered.

2) The exemption from taxation provided for under paragraph 1 of this Article shall not apply to such taxes and dues when, in accordance with the laws and regulations of the receiving State, they are in the charge of the person who concluded a contract with the sending State, or with the person acting on behalf of such State.

Article 46

Inviolability of archives and of consular documents

The consular archives and documents shall be inviolable at all times and wherever they may be.

Article 47

Freedom of communication

1) The receiving State shall allow and protect freedom of communication of the consular post for any official purposes.

In its communications with the Government, the diplomatic missions and other consular posts of the sending State, wherever they may be, the consular posts shall use any means of communication which might be adequate, including diplomatic or consular couriers, the diplomatic or consular bags, plain language or cyphers. However, the consular post

shall not install and use a wireless transmitter unless having obtained the consent of the receiving State.

2) The official correspondence of the consular post is inviolable.

"**official correspondence**" means all the correspondence relating to a consular post and its fuctions.

3) The consular bag shall be neither opened nor retained.

4) The packages forming the consular bag shall bear visible external marks of their nature and they shall in no way contain anything else but the official correspondence and documents or objects intended exclusively for official use.

5) A consular courier shall have with him an official document attesting his status and the number of packages forming the consular bag. Except for the case when the receiving State consents therewith, he may be neither a national of the receiving State nor a permanent resident in the receiving State. Such a consent, however, may not be required if this permanent resident is a national of the sending State. In the performance of his functions, such courier shall be under the protection of the receiving State. He shall enjoy personal inviolability and he shall not be subject to any form of arrest, detention or any other form of limitation of his personal freedom.

6) The sending State and its consular posts may designate consular couriers ad hoc. In such cases the provisions of paragraph 5 of this Article shall also apply except that the immunities therein mentioned shall cease to apply when such a courier has delivered to the consignee the consular bag in his or her charge.

7) A consular bag may be entrusted to the master of a vessel or of an aircraft which is due to arrive in an authorised port of entry. Such master shall have with him an official document indicating the number of packages forming the consular bag, but he shall not be considered to be a consular courier. By arrangement with the competent local authorities, the consular post shall send one of its members to take over the bag in a direct and free way, from the master of the vessel or of the aircraft and to deliver the bag in the same way.

Article 48

Protection of consular officers

The receiving State shall treat consular officers with due respect and shall take all necessary measures to prevent any prejudice caused to their persons, freedom or dignity.

Article 49

Personal inviolability of consular officers

The person of consular officers shall be inviolable. The consular officers can not be liable to arrest or detention or to any other form of restriction on their personal freedom.

Article 50

Immunity from jurisdiction of members of the consular post

1) A consular officer shall enjoy immunities from the criminal, civil, administrative jurisdiction of the receiving State.

2) A consular employee or a member of the service staff shall not be subject to the criminal, civil, administrative jurisdiction of the receiving State in respect of an act performed in the exercise of consular functions.

3) The provisions of this Article shall not, however, apply to a civil action:

a) arising out of a contract concluded by a member of the consular post in which he did not contract expressly or implicitly on behalf of the sending State;

b) by a third party for damage resulting from an accident in the receiving State caused by a vehicle, vessel or aircraft.

Article 51

Giving of evidence

1) A consular officer may be called upon to attend as a witness in the course of judicial or administrative proceedings. If a consular officer decline to do so, no coercive measure or penalty may be applied to him.

2) A consular employee or a member of the service staff of a consular post may be requested to appear as a witness in the course of judicial or administrative proceedings. They shall not decline to comply

with the request to give evidence as a witness except in cases provided for in paragraph 3 of this Article.

3) A member of the consular post shall be entitled to decline to give evidence concerning any matters within the scope of their official functions or to produce any correspondence and official documents relating thereto. They may likewise decline to give evidence as expert witnesses with regard to the law of the sending State.

4) The authority requesting the evidence of a member of the consular post shall avoid interference with the performance of his functions. Such evidence may, where possible, be given orally or in writing at his residence or at the consular post.

Article 52

Waiver of privileges and immunities

1) The sending State may waive the privileges and immunities provided for under Articles 49, 50, 51. Such waiver shall always be express and shall be notified in writing to the competent authority of the receiving State.

2) If a member of the consular post initiates proceedings wherein he would enjoy immunity from jurisdiction, he shall not claim immunity of jurisdiction against any counter-claim directly connected with the principal claim.

3) The waiver of immunity from jurisdiction in respect of civil or administrative proceedings shall not be held to imply the waiver of immunity from the measures of execution of the judgment, for which a separate waiver shall be necessary.

Article 53

Exemption from personal services and contribution

The receiving State shall exempt the members of the consular post from any personal services and public service, irrespective of their nature, as well as from the military obligations, such as military requisitions, contributions and quartering.

Article 54

Exemption from the obligation of registration of aliens and residence permits

1) The members of the consular post shall be exempt from any obligation under the laws and regulations of the receiving State with reference to the registration of aliens, residence permits as well as other formalities concerning the aliens.

2) The provisions of paragraph 1 of this Article shall not, however, apply to any consular employee who is not a permanent employee of the sending State or who carries on any private gainful occupation in the receiving State or to any member of the family of any such employee.

Article 55

Exemption from taxation

1) A consular officer and a consular employee shall be exempt from all taxes and similar charges of any kind imposed in the receiving State, either national, regional or municipal, except:

a) indirect taxes which are normally incorporated in the price of goods or services;

b) taxes and other similar charges of any kind levied on private immovable property situated in the territory of the receiving State, subject to the provisions of Article 45;

c) taxes or other similar charges of any kind levied on estates or on inheritance's transfer in the receiving State, subject to the provisions of Article 60;

d) taxes and other similar charges levied on any kind of private income deriving from sources in the receiving State;

e) taxes and charges levied for a remuneration of the private services effected;

f) without prejudice to the provisions of Article 45, registration, court or record fees, mortgage dues and stamp duties.

2) Members of the service staff shall be exempt from dues and taxes on the wages which they receive for their services provided that they are not nationals of the receiving State or permanent residents in that State.

3) Members of the consular post employing persons whose remuneration or wages are not exempt from the income tax in the receiving State shall observe the obligations imposed by the laws and regulations of that State as concerns the income tax payment.

Article 56

Exemptions from customs and inspection duties

1) In accordance with its laws and regulations, the receiving State shall authorise the import into and export from the receiving State and grant exemption from any customs fees, duties and other dues connected therewith, other than the expenses relating to the storing, transport as well as the expenses for similar services, on:

a) articles for official use of the consular post;

b) articles for the personal use of a consular officer, including the articles intended for his establishment. The articles for consumption shall not exceed the quantities necessary for direct utilisation by the persons concerned.

2) Consular employees shall enjoy the privileges and exemptions provided for under sub-paragraph (b), paragraph 1 of this Article with reference to the articles imported at the time of first installation.

3) The personal baggage accompanying consular officer shall be exempt from customs inspection. It may be inspected only if there is serious reason to believe that its contents include articles other than those referred to in sub-paragraph (b), paragraph 1 of this Article or articles which under the laws and regulations of the receiving State may not be imported or exported or are subject to quarantine. In such a case, the inspection shall take place in the presence of the consular officer or of his authorised representative.

Article 57

Exemption from work permits

1) Members of the consular post shall, with respect to services rendered for the sending State, be exempt from any obligations in regard to work permits imposed by the laws and regulations of the receiving State concerning the employment of foreign labour.

2) Members of the private staff of consular officers and of

consular employees shall be exempt from the obligations referred to in paragraph 1 of this Article provided that they do not carry on any other gainful occupation in the receiving State.

Article 58

Social security exemption

1) Subject to the provisions of paragraph 3 of this Article, members of the consular post, with respect to services rendered by them for the sending State, shall be exempt from social security provisions which may be in force in the receiving State.

2) The exemption provided for in paragraph 1 of this Article shall also apply to members of the private staff who are in the sole employ of members of the consular post, on condition:

a) that they are not nationals of or permanent residents in the receiving State; and

b) that they are covered by the social security provisions which are in force in the sending State or a third State.

3) Members of the consular post who employ persons to whom exemption provided for in paragraph 2 of this Article does not apply shall observe the obligations which the social security provisions of the receiving State impose upon employers.

4) The exemption provided for in paragraphs 1 and 2 of this Article shall not preclude voluntary participation in the social security system of the receiving State, provided that such participation is permitted by that State.

Article 59

Special provisions concerning private gainful occupation

1) Career consular officers shall not carry on for personal profit any professional or commercial activity in the receiving State.

2) Privileges and immunities provided in this Convention shall not be accorded:

a) to consular employees or to members of the service staff who carry on any private gainful occupation in the receiving State;

b) to members of the family of a person referred to in sub-paragraph (a) of this paragraph or to members of his private staff;

c) to members of the family of a member of a consular post who themselves carry on any private gainful occupation in the receiving State.

Article 60

Property of a deceased member of the consular post

If a member of the consular post of the sending State dies in the receiving State, the latter shall:

a) allow the export of the movable property of the deceased with the exception of any such property acquired in the receiving State the export of which was prohibited at the time of his death;

b) refrain, where the presence of the movable property in the receiving State was due solely to the presence of the deceased person in that Sate as a member of the consular post, from imposing taxes or other charges of any kind on estates or on transferring of property.

Article 61

Freedom of movement

Subject to the laws and regulations of the receiving State concerning areas entry into which is prohibited or restricted for reasons of national security, all members of the consular post shall be permitted to travel freely in that State.

Article 62

Insurance of transport means

Means of transport which are the property of the sending State and are in exclusive use of the consular post, or the property of any member of the consular post, shall be covered by compulsory insurance.

Article 63

Insurance against third party risks

Members of the consular post shall comply with any requirement

imposed by the laws and regulations of the receiving State in respect of insurance against third party risks arising from the use of transport means.

Article 64

Privileges and immunities of members of family

Members of family of members of the consular post shall respectively enjoy the same privileges and immunities as do the members of the consular post under Article 49, paragraph 1 of Article 50, Articles 53, 54, 55, 56, 58, 60 and 61 of this Convention, provided that they should not be nationals of the receiving State or permanent residents in such State or should not perform any remunerated activity.

Article 65

Beginning and end of consular privileges and immunities

1) Every member of a consular post shall enjoy the privileges and immunities provided in this Convention from the moment he enters the territory of the receiving State on proceeding to take up his post or, if he is already in its territory, from the moment when he enters on his duties with the consular post.

2) Members of the family of a member of the consular post and members of his private staff shall receive the privileges and immunities provided for in the present Convention from the date he enjoys privileges and immunities in accordance with paragraph 1 of this Article or from the date of their entry in to the receiving State or from the date of their becoming a member of such family or private staff, whichever is the latest.

3) When the functions of a member of the consular post have come to an end, his privileges and immunities and those of a member of his family or a member of his private staff shall normally cease at the moment when the person concerned leaves the receiving State or on the expiry of a reasonable period in which to do so, whichever is the sooner. In the case of persons referred to in paragraph 2 of this Article, their privileges and immunities shall come to an end when they cease to belong to the household or to be in the service of a member of the consular post provided, however, that if such persons intend leaving the receiving State within a reasonable period thereafter, their privileges and immunities shall subsist until the time of their departure.

4) However, with respect to acts performed by a consular officer or a consular employee in the exercise of his functions, immunity from

jurisdiction shall continue to subsist without limitation of time.

5) In the event of the death of a member of the consular post, the members of his family shall continue to enjoy the privileges and immunities accorded to them until they leave the receiving State or until the expiry of a reasonable period enabling them to do so, whichever is the sooner.

Article 66

Persons who do not enjoy privileges and immunities

1) Members of the consular post who are nationals of the receiving State or who are permanent residents in that State shall not enjoy the privileges and immunities specified in this Convention, subject to the paragraph 3 of Article 51.

2) The receiving State shall, however, exercise the jurisdiction over the persons enumerated under paragraph 1 of this Article so as not to prevent in any way whatsoever, without reason, the exercise of the functions of a consular post.

PART V

FINAL PROVISIONS

Article 67

Respect for the laws and regulations of the receiving State

1) Without prejudice to the immunities and privileges accorded to them, all the persons to whom immunities and privileges are so accorded shall be under an obligation to respect the laws and regulations of the receiving State. They also have a duty not to interfere in the internal affairs of the receiving State.

2) The consular premises shall only be used in a manner consistent with the exercise of consular functions.

3) The provisions of paragraph 2 of this Article shall not exclude the possibility of offices of other institutions or agencies being installed in part of the building in which the consular premises are situated, provided that the premises assigned to them are separate from those used by the consular post. In that event, the said offices shall not,

for the purpose of the present Convention, be considered to form part of the consular premises.

Article 68

Performance of consular functions by members of the diplomatic mission

1) All provisions of this Convention shall also apply in case the consular functions are performed by members of a diplomatic mission.

2) The full name of members of a diplomatic mission assigned to the consular service of the diplomatic mission shall be notified to the Ministry of Foreign Affairs of the receiving State.

3) Members of the diplomatic mission mentioned under paragraph 2 of this Article shall continue to enjoy privileges and immunities accorded by the diplomatic status.

Article 69

Ratification and entry into force

1) This Convention shall be subject to ratification and shall come into force on the thirtieth day since the date on which the two contracting Parties have exchanged their instruments of ratification.

2) This Convention may be amended. Any such amendment shall be negotiated through diplomatic channels and shall enter into force thirty days after the date on which the Contracting Parties have informed each other of completion of the respective legal procedures required by the laws of each State.

3) This Convention is concluded for an unlimited period of time and shall remain in force until six months from the date on which one contracting Party informs in writing the other Party of its desire to terminate validity of this Convention.

IN WITNESS WHEREOF, the Plenipotentiaries of the Contracting Parties have signed this Convention.

DONE in duplicate in Hanoi, this 8th day of July 1995, in Vietnamese, Romanian and English. The Vietnamese and Romanian texts are equally authoritative. In case of divergences in interpretation, the English text shall prevail.

FOR THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

FOR ROMANIA

BỘ NGOẠI GIAO

Số: 80 /LPQT

SAO Y BẢN CHÍNH
"Để báo cáo,
Để thực hiện".

Hà Nội, ngày 05 tháng 11 năm 1997

TL. BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO
KT. Vụ trưởng Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Phó Vụ trưởng

Nguyễn Bá Sơn

Nơi nhận :
- Văn phòng Chủ tịch nước (để b/c),
- Văn phòng Quốc hội (để b/c),
- Văn phòng Chính phủ (để b/c).
- Bộ Tư pháp,
- Bộ Nội vụ,
- Bộ Lao động, TB-XH,
- Tổng cục Hải quan,
- Tổng cục Thuế,
- ĐSQ Việt Nam tại Rumani,
- Vụ châu Âu I,
- Cục Lãnh sự,
- Vụ Lễ tân,
- Vụ LPQT,
- LT (14b).

Ghi chú : *Hiệp định Lãnh sự giữa nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Rumani* bắt đầu có hiệu lực từ ngày 30 tháng 10 năm 1997.